

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 21

1. Đại Nguyên Thái Tổ Hoàng đế: (Ất sửu)

Thái Tổ ứng mệnh trời mở vận. Thánh Võ Hoàng Đế đánh Tây Hạ trong năm này. Năm sau hội họp chư hầu ở sông Oát nan, dựng cờ trắng ở Cửu Du, lấy hiệu là Thành Cát Tư Hoàng đế, đóng đô ở Hòa Lâm. Cứ xem Thánh nhân xuất thế, oai linh lấy lừng, được trời bảo hộ, ứng mệnh mà lên ngôi cao, vượt trên kim cổ, như Phượng Hoàng trong trứng phá vỏ chui ra, từ đó vượt khỏi giống loài, cách xa đồng loại. Thái Tổ Hoàng đế ta ở ngôi Cửu Ngũ, vận nước lâu bền, thái bình mãi mãi, như trời đất trước sau như một.

Bính Dần: Tây Hạ: Thát-Bạt-Thất-Đô-Nhi-Hốt, tiểu tử của Càn Thuận, con của Nhân Hữu, cháu của Nhân Tông, lên ngôi vào tháng năm năm này, ở ngôi sáu năm.

Đinh Mão: Tống: Ngô Hi tiếm ngôi ở Thục, được ba mươi tám ngày thì bị An Bính giết chết.

Mậu Thìn: Tống đổi niên hiệu Gia Định. Thụy tượng đến lúc này đã được hai ngàn hai trăm năm.

Kỷ Tỵ: Nước Kim: Đông Hải Hầu lên ngôi đổi niên hiệu là Đại An. Ông tên là Duẫn Tế, con thứ bảy của Thế Tông. Chương Tông không có người nối ngôi, quần thần theo di chiếu lập ông lên ngôi. Sau, ông bị Hộ Thạch Liệt Chấp Trung giết, ở ngôi bốn năm.

Canh Ngọ: Thụy tượng chiêm-đàn đến nước Kim. Tháng mười năm thứ mười hai, vua nghinh tượng vào cấm đình ở Thượng kinh để cúng dường. Năm này bỏ khoa thi kinh.

Tân Mùi: Quốc hiệu Đại Mông Cổ ra đời. Tây Hạ: Thần Tông Thát Bạt Tu Phiên Kỳ lên ngôi, đổi niên hiệu Quang Định, nhà Hạ dấy đại binh, người nước Kim không đến cứu, từ đó họ hận và làm phản.

Nhâm Thân: Nước Kim đổi niên hiệu Trùng Khánh, đại binh đến Yên kinh.

Quý Dậu: An Nam Chủ Lý Long Cán mất, con là Hạo Sàm kế vị.

Nước này về sau bị Giang Nam Trần Nhật Chiêu lấy và truyền cho con là Uy Hoảng.

Nước Kim: Tuyên Tông, tên là Tuân, anh kế của Chương Tông. Chấp Trung giết Đông Hải Vương rồi lập ông. Ông lên ngôi tháng chín năm Chí Ninh năm đầu, ông đổi niên hiệu Trinh Hựu, ở ngôi mười hai năm. Tháng tám, đại binh đánh Yên Kinh.

2. Giảng Sư Bắc Phong Tông Ấn người Thiên Trúc:

Ngày tám tháng mười hai năm Gia Định thứ sáu, giảng sư Bắc Phong người Thiên Trúc thị tịch. Sư tên Tông Ấn, tự Nguyên Thật, họ Trần, con của Diêm Quan (quan coi về muối). Năm mười lăm tuổi, Sư thọ Cụ túc, yết kiến Trúc Am Quán Công, thấu tỏ yếu chỉ giáo quán. Những lời cốt yếu của chư Tổ Sư đều tụng cả ngàn lần. Tư Giáo Không thỉnh Sư làm thủ tòa, Sư từng soạn Tông Cực Luận, đủ sự đủ lý, nêu tỏ diệu chỉ Nhất tánh. Sư đặt ra chín vấn nạn, lấy Tông Cực làm nghĩa. Phụ Thông Thú Tô Tử xem Bất Nhị Môn, lời văn giản lược nhưng chẳng hiểu, sư bèn chỉ ra những điểm cốt yếu, Tử nghe hiểu ngay, nhân đó ông thỉnh Sư về ở Chánh Giác. Sư đến, gặp phải lúc bão táp mưa sa, Chánh Giác chỉ còn trơ chánh điện, Sư thà chết chớ không đi, gió mưa nhân đó cũng dứt. Không bao lâu, Tử được triệu về kinh, ông muốn Sư cùng đi bèn nói: “Sao Sư không về Tây cùng nhau hoằng hóa, ở Đông hai mươi bảy năm rồi, đến nay nên về lại Triết Hữu”.

Sư giảng Chỉ Quán, khiến học giả thâm hiểu, lìa được bệnh chấp danh chấp tướng. Họ vây quanh tòa cung kính thọ trì, Sư tối kỳ khi phải có nhiều Học trò, Sư ẩn cư trong am tranh của họ Mao ở Lôi Phong, nhưng người học vẫn đua nhau tìm đến. Họ Đỗ dựng Phổ Quang đạo tràng rồi thỉnh Sư chủ trì. Sư vừa giảng vừa Thiên, đạo pháp ngày càng thịnh. Gặp lúc Đức Tạng đến thỉnh, Sư nói: “Đất Tập học ấy cũng muốn báo đáp lâu rồi!”.

Sư nhiều lần dời về Siêu Quả, Viên Thông, Bắc Thiên, đạo đức và danh tiếng Sư vang khắp, chùa viện đạo tràng mọc lên cũng nhiều. Hải Không Anh từ già Linh Sơn, Sư liền cử ngài thay mình. Vua hạ chiếu đồng ý, năm trăm học chúng đều cảm phục đạo hạnh của Sư, tôn Sư là người thay đổi mối tề từ xưa. Ninh Tông nghe danh, liền triệu Sư vào cung hỏi đạo. Vua hoan hỷ ban Sư hiệu là Tuệ Hạnh Pháp sư. Để mở rộng pháp môn Chỉ Quán, vua thỉnh Sư hoằng hóa ở Ngô Trung. Sư đi đến Tùng giang, bảo đồ chúng: “Ta hóa duyên đến đây là xong!”. Nói xong Sư nằm nghiêng bên phải thị tịch.

Giáp Tuất: Tháng tư nước Kim dời đô về Biện Kinh, kết giao cầu hòa với Đại Quốc. Cẩm Soái Trương Trí nộp quận đầu hàng, sau lại làm phản, tự xưng là Liêu Tây Vương, đổi niên hiệu là Đại An. Kim thảo phạt bình định, diệt luôn Yên Kinh.

Ất Hợi: Tháng tám, Thế Tổ ra đời. Đại binh đánh phá Đông Quan.

Bính Tý: Tháng hai có nhật thực, Xuyên Đông, Xuyên Tây có động đất, núi Thử Châu sụp.

Mậu Dần: Kim đổi niên hiệu Hưng Định. Tháng bảy có nhật thực, binh Kim xâm lấn Quang Châu, bọn Lý Ngọc chặn địch. Liên Thủy Cung Thủ Lý Toàn từ Bắc trở về, tức Lý Thiết Thương, vua hạ chiếu cho ông ta làm Đông Kinh Lộ Tổng Quản.

Canh Thìn: Thiên Tông Liên Đăng Lục hoàn thành.

Tân Ty: Tháng năm nước Kim có nhật thực.

Nhâm Ngọ: Đại binh từ Hồi Cốt đi đánh Tây Hạ.

Quý Mùi: Tháng chín, Tây Hạ Thát Bạt Đức Nhân lên ngôi, đổi niên hiệu Càn Định.

Nước Kim đổi niên hiệu Nguyên Quang. Tháng chín có nhật thực. Tống thực hành phép chia bờ ruộng, thu thuế ruộng.

Ất Dậu: Tống Lý Tông Huyền lên ngôi, đổi niên hiệu là Bảo Khánh năm đầu. Lúc đầu ông tên là Dư Cử, con của Vinh Vương Hy Lô, cháu mười đời của Thái Tổ. Ninh Tông có nhiều con nhưng ông không nuôi mà nuôi con trong tông thất là Tuân và lập Tuân làm Thái tử, nhưng Tuân chết. Hồi ấy Hoàng Tùng Đệ Nghi Tĩnh Tuệ Vương Bính không có con, cũng từng nuôi con trong tông thất rồi đặt tên là Quý Hòa làm người nối dõi. Đến khi Thái tử Tuân mất bèn lập Quý Hòa làm Hoàng tử và đặt tên là Hoàn, phong làm Tế Quốc Công. Hoàn, Tuệ rất coi thường ông. Có lần ông ghét Sử Di Viễn chuyên quyền, nên nói: “Ngày sau không thể dung tha”. Di Viễn nghe được rất căm ghét ông, nên ngầm bàn mưu tính kế.

Thuở nhỏ Dư Cử đã là người không tốt, ông đang chơi đùa với lũ trẻ bỗng một mình leo lên tòa cao mà ngồi. Những người trưởng thượng chỉ ông rồi nói với lũ trẻ: Bọn bây chẳng bằng gã ấy, trông gã như là Đại Vương”. Bọn trẻ liền vây quanh ông lễ lạy, từ đó ông có tên là Triệu Đại Vương. Di Viễn lấy của cải, sắc đẹp mua chuộc ông, từng làm ông vừa lòng mà được tiến cử, rồi được đặt chỉ bổ làm quan. Sau khi Hoàn làm con của Ninh Tông bèn cho Dư Cử làm Nghi Vương, sau đặt cho tên là Quý Thành, cho giữ chức Trừ Thiệu Châu Phòng Ngự Sứ.

Ninh Tông bệnh nặng, mới báo trong cung cho Quý Thành làm hoàng tử, đổi tên là Huyền, tuyên di chiếu lập ông lên ngôi, tiến cử Hoàn làm Tế Dương Quận Vương, ra làm quan ở Ninh Quốc Phủ. Cung Thánh Dương Hậu thính chính, muôn việc đầu vào đấy sau đó hết buồng rèm thính chính. Ông thọ sáu mươi một tuổi.

Nước Kim đổi Chánh Đại thành Thủ Tự, ông là con thứ ba của Tuyên Tông, tánh tình khoan dung nhân hậu, học rộng, ham đọc sách. Ông lên ngôi trong năm này. Đến năm Quý Ty, Quy Đức Phủ hết lương thực, tháng sáu ông chạy sang nước Sái. Tháng tám quân Nam bắc hợp sức đánh phá, tháng giêng năm Giáp Ngọ, ông nhường ngôi cho hậu chủ là Lâm, rồi đóng cửa tự vẫn, đất nước diệt vong.

Bính Tuất: Tháng bảy, Tây Hạ Thát Bạt Đức Nhân mất. Thanh Bình Quận Vương kế vị, ở ngôi được một năm.

Đinh Hợi: Mùa xuân năm Bính Tuất, thái tử đến Tây Hạ. Chỉ một năm diệt xong thành này. Ngày hai mươi bảy tháng mười năm này, ông diệt nhà Hạ, lúc này đã sáu mươi tuổi rồi. Tây Hạ gồm mười hai chủ. Bắt đầu từ Kế Thiên khởi binh trong năm Nhâm Ngọ niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc, mãi đến năm Đinh Hợi niên hiệu Bảo Khánh thì đất nước diệt vong, trị vì cả thảy hai trăm bốn mươi sáu năm. Năm Giáp Tuất niên hiệu Cảnh Hựu, Nguyên Hạo tự tiếm ngôi, đế hiệu, là một? trăm chín mươi bốn năm.

Mậu Tý: Tống đổi niên hiệu Thiệu Định năm đầu.

Tân Mão: Thái Tông Hoàng Đế lên ngôi.

Nhâm Thìn: Bốn người con thứ của Thái Tổ thống lĩnh vương binh đánh phá Biện Kinh. Vua Kim phải chạy sang nước Sái. Bê tôi là Thôi Lạp đầu hàng. Đại triều sai sứ đi Tống bàn mưu hợp sức đánh Kim.

Quý Ty: Kim đổi niên hiệu Thiên Hưng.

Giáp Ngọ: Tống đổi niên hiệu Đoan Bình năm đầu, tiêu diệt nước Kim. Nước Kim gồm chín chủ, trị vì một trăm hai mươi ba năm.

Ất Mùi: Ghi hộ khẩu cho dân ở Trung Nguyên. Nhà Tống: Sao Thiên Cẩu rơi xuống ở huyện Kim Đường, Hoài An Quân, tiếng rơi như ?sấm, người trong ba châu đều nghe. Họ đến xem thì thấy như đá màu hồng vỡ vụn, có người cho đó là điềm đánh nhau.

Bính Thân: Vua hạ chiếu nhóm họp quần thần, ban phát độ điệp. Thâu đất bốn phương hội họp con lại phân phát đất phong vương. Vua đích thân dẫn binh chinh phạt nước Hôi. Nước Hôi quy phục. Nhà Tống mất Tứ Xuyên.

Đinh Dậu: Tống đổi niên hiệu Gia Hy.

Kỷ Hợi: Vua hạ chiếu chỉ dụ Cao Ly. Tháng mười cầu vòng xuất hiện ở đất Tống.

Canh Tý: Nhà Tống: Kinh sư có động đất, khí trắng vất ngang bầu trời, lại bị nạn hạn hán sâu bọ. Triết Giang, Phúc Kiến bị hạn, đồ thành bỏ không, người đói giết đồ ăn ngoài đường, trong chợ thì giết người để bán thịt, trời chưa tối nhưng đường xá vắng tanh.

Tân Sửu: Ngày ba tháng hai đại xá thiên hạ. Tống đổi niên hiệu Thuần Hựu.

Bính Ngọ: Định Tông Hoàng Đế lên ngôi.

Canh Tuất: Đại triều diệt Liêu Đông, Cao Ly.

3. Hiến Tông:

Tân Hợi: Hiến Tông Hoàng Đế lên ngôi. Thế Tôn diệt độ được hai ngàn hai trăm năm.

Quý Sửu: Tống đổi niên hiệu Bảo Hựu năm đầu. Đại binh đánh Xuyên Thục. Ghi hộ khẩu dân ở Liêu Đông. Tống bãi quan, thay độ điệp, thâu và đổi tiền giấy cũ đem đốt.

4. Đại sư Hải Vân Ẩn Giản ở Khánh thọ:

Sư họ Tống, tên là Ẩn Giản, người Lam Cốc, Ninh Viễn, Sơn Tây, hậu duệ của Vi Tử. Cha sư rất hiền lành được người trong làng kính phục, họ gọi ông là Hư Tĩnh Tiên Sinh. Mẹ Sư họ Vương, người Kim Nguyên. Thế Tổ của Sư phụng Phật không ra làm quan. Sư sinh ngày rằm tháng mười hai năm Nhâm Tuất niên hiệu Thái Hòa nhà Kim. Sư phẩm hạnh cao vời, từ nhỏ đã tỏ ra người thông tuệ. Năm bảy tuổi, cha Sư trao cho Sư bộ Hiếu Kinh Khai Tông Minh Nghĩa Chương. Sư hỏi: Khai là tông gì? Minh là nghĩa gì? Cha Sư nghe vậy thất kinh và rất lấy làm lạ, biết Sư không phải là người tầm thường. Ông dẫn Sư đến yết kiến Phó Giới Ngạn Công. Ngạn muốn biết căn khí Sư thế nào bèn trao cho Sư tập Thảo Am Ca. Sư đọc đến câu “Hoại và chẳng hoại chủ còn nguyên” thì Sư hỏi:

- Chủ ở đâu?

Ngạn vặn lại:

- Chủ nào?

- Là người lia hoại chẳng hoại ấy!

- Đó là khách.

Sư đáp:

Chủ chứ!

Ngạn Công ngâm nga rồi thôi không hỏi nữa. Từ đó sư lay Trung Quán Chiếu Công làm thầy. Năm tám tuổi Sư thọ Tam quy, Ngũ giới, Bát quan trai giới và Thập Thiện. Mười mười một tuổi, Sư được Dự Vương trao ân tứ cho thọ Cụ túc.

Thượng tọa HỒNG Ngạn hỏi Sư:

Nay ông thọ đại giới rồi, vì sao vẫn còn là tiểu tăng?

Sư đáp:

Vì tăng nhỏ. Giới gọi là Đại, thử hỏi Thượng tọa giới già hay tiểu?

Ngạn đáp:

Ta thân thì già...

Ngạn nói chưa hết câu, Sư hét lớn: Thôi đừng sinh phân biệt!

Một hôm thượng tọa dạy một ông tăng đến vỗ vào lưng Sư một cái, đợi Sư quay đầu lại thì đưa nắm tay lên. Ông tăng theo lời dạy vỗ vào lưng Sư, Sư liền đưa nắm đấm lên. Tăng trở về thuật lại cho thượng tọa, thượng tọa rất lấy làm lạ.

Năm mười hai tuổi, Trung Quán cho phép Sư đi tham vấn và dạy Sư: Điều mà ông muốn là văn tự ngữ ngôn mà thôi, hãy dừng lại đi! Chỉ khi nào thân tâm như cây khô, tro lạnh thì lúc ấy mới hết. Công dụng thuần thực, ngộ hiểu chân thật, một phen sống mái mà còn hơi thừa, đến lúc đó hoá nhiên nhận ra, mới gặp được ta.

Sư lắng nghe nhận lãnh, từ đó tu tập thiền định. Một hôm Sư đi Trung Quán đi, Quán hỏi:

- Thiền sư Pháp Đăng nói: Hãy xem ai nấy bận rộn, vả lại nhờ sức ai. Ông hiểu thế nào?

Sư kéo tay Trung Quán một cái. Quán nói:

- Đây là hồ tinh ở đồng hoang!

Sư dạ dạ. Quán nói: Giới phải biệt tham!

Năm Sư mười ba tuổi, lúc này Thành Cát Tư Hoàng đế chinh phạt thiên hạ, Sư ở tại Ninh Viễn là nơi bị vây hãm. Sư là một trong số người bị dẫn đến trước mặt Hoàng đế. Đế bảo Sư búi tóc, Sư đáp: Nếu theo phép nước thì mất tướng tăng, mong được giữ hình tướng cũ.

Từ đó tăng mới có hình dung khác người thế tục. Năm Sư mười tám tuổi, Thiên binh lại đến thảo phạt, Thái sư, Quốc vương dẫn binh vây lấy Lam Thành. Tứ chúng đều giải tán lánh nạn. Sư vẫn ở lại hầu hạ Trung Quán. Quán nói:

“Ta gần kề cái chết, ông giàu sang lại sống thọ, nay là lúc đá ngọc đều tan nát, ông hãy trốn đi đi!”.

Sư khóc nói:

Nhân quả không sai chạy, sống chết đều có số đâu thể xa thầy để tìm sự an ổn được? Giả sử trốn thoát cũng đâu phải là tấm lòng của kẻ nhân từ!

Quán thấy Sư thành thật, nên dặn Sư rằng: “Ông có nhân duyên lớn với vùng Sóc Mô, ta với ông cùng đi về Bắc!”.

Hôm sau, cả thành quy hàng. Thanh Lạc Nguyên Soái Sử Công Thiên Trạch, Nghĩa Châu Nguyên Soái Lý Công Thất Ca thấy Sư khí phách phi thường, bèn hỏi:

- Ông là người gì?

Sư đáp:

Tôi là Sa-môn.

Sử công hỏi:

- Ăn thịt không?

- Thịt gì?

- Thịt người!

Sư nói:

- Người không phải thú, hổ báo còn không ăn thịt nhau, huống gì con người!

Sử nói:

Ngày nay sống trong vòng binh đao, ông có thể không bị thương tổn chăng?

Sư nói: Ất phải nhờ các ông bên ngoài che chở!

Sử công rất vui. Lý nguyên soái hỏi Sư:

- Ông là tăng, chẳng hay là tăng thiên hay tăng giáo?

Sư đáp:

Thiên giáo là cánh lông của tăng, như quốc gia dùng người ắt phải đủ quan văn quan võ.

Lý hỏi:

- Như vậy cũng được, nhưng ông trụ bên nào?

Sư đáp:

- Chẳng trụ bên nào cả.

- Ông là người gì?

- Thầy của Phật!

Sư nói tiếp:

Thầy tôi là Trung Quán cũng ở đây.

Hai nguyên soái thấy Sư tuổi tuy nhỏ nhưng chẳng sợ sệt, ứng đối trôi chảy, nên liền cùng Sư đến gặp Trung Quán. Hai người chăm chú

nghe Trung Quán chỉ dạy, vô cùng vui mừng nói: “Quả nhiên là cha nào con nấy!”. Thế rồi hai người lạ Trung Quán làm thầy, kết bạn thâm giao với Sư. Quốc Vương cấp kẻ hầu người hạ cho Trung Quán và Sư. Thành Cát Tư Hoàng để chở Trung Quán đi Hoàng Độc bằng xa giá, Sư đích thân hầu hạ, lo việc cơm nước, đi hết năm mới đến được Xích Thành. Để mời Sư ở tại nhà của Lang Trung Trương Công. Sư thần Thái Túc Bất Hoa và Ma Lại phụng thánh chỉ của Thành Cát Tư Hoàng để đàm đạo với Ma Hoa Lý Quốc Vương, họ cho người đến nói: Lão trưởng lão, Tiểu trưởng lão, đích thật là người tiên tri. Bấy giờ Quốc vương phụng chiếu ân tứ và thỉnh hai thầy trò Sư trụ ở Hưng An Hương Truyền Viện. Quốc vương ban Trung Quán hiệu Từ Vân Chánh Giác Đại Sư, Sư hiệu là Tịch Chiếu Anh Ngộ Đại sư, mọi nhu cầu vật chất đều do quan cấp. Tên gọi Tiểu Trưởng lão phát xuất từ đó.

Năm Sư mười chín tuổi, Trung Quán sắp thị tịch, có Đạo sĩ Dương Chí Thận đến xin bài tụng, Trung Quán sai Sư cầm bút viết thay cho mình. kệ rằng:

*Bảy mươi ba năm như điện chớp
Sắp đi mở một lối cho ông
Trâu đất bay ngang Đông Hải đến
Cả trời và người tìm chẳng thấy.*

Đạo sĩ hỏi:

- Lúc nào thầy đi?

Trung Quán đáp:

- Ba ngày nữa!

Lúc bấy giờ là ngày hai mươi bảy tháng năm, đến ngày một tháng sáu quả nhiên ngài không bệnh mà tịch. Sư khóc thương kính tiếc, trà-tỳ thâu xá-lợi, dựng tháp ở Tây bắc phủ này cúng dường. Sư đem hết những gì mà thầy mình có ra thiết trai cúng dường, còn mình thì đi khất thực và giữ tháp. Đêm nọ, Sư nghe trên không trung có tiếng gọi mình, Sư hoát nhiên tỉnh ngộ, và dời về ở Tam Phong Đạo Viện. Lại nghe có người bảo: Việc lớn sắp xong, hãy đi đừng kẹt ở đây. Sáng sớm hôm sau, Sư quảy trượng đi đến đất Yên, ngang qua Tùng Phố bỗng gặp mưa, Sư vào tá túc trong hang núi, nhân đánh đá lấy lửa mà Sư đại ngộ. Sư sờ mặt mình nói: Ngày nay mới biết mày ngang mũi dọc, tin chắc đạo trong thiên hạ, lão Hòa thượng nói chẳng sai.

Hôm sau, Sư đến Cảnh Châu yết kiến Bản Vô Huyền Hòa thượng. Huyền hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

- Mây tụ hang sâu.
- Định đi đâu?
- Trăng soi rừng tùng.

Huyền gật đầu nói:

Mạnh Bát Lang! Hãy đi đi!

Sư vâng dạ rồi đi. Sư qua Tuân Châu gặp nho sĩ Trương Tử Chân, Chân hỏi:

- Thượng nhân sao không ở yên một nơi?

Sư đáp:

Trong sông không có cá phải ra chợ bắt.

Trước đây, lúc Trung Quán sắp tịch, Sư hỏi Trung Quán: Con phải nương vào ai để thấu tỏ việc lớn? Quán dặn Sư: Chúc mừng người tám mươi tuổi (chúc thọ). Sau khi đến đất Yên, Sư đến chùa Đại Khánh Thọ thì hiểu ra lời dặn ấy. Thế là Sư liền đến yết kiến Trung Hòa Lão Nhân Chương Công. Trước đó một đêm, Trung Hòa mộng thấy một Dị tăng xách trượng đi thẳng vào phương trượng lên tòa Sư tử ngai. Sáng ra, Trung Hòa bảo tri khách: Hôm nay nếu có ai đến sớm, phải bảo gã đến gặp lão tăng. Đến tối thì Sư tới, tri khách dẫn Sư lên gặp. Trung Hòa cười nói: Nạp tử này là người mà đêm qua ta mộng thấy. Sư liền hỏi:

- Con không đến mà đến làm sao gặp nhau?

Khánh Thọ đáp:

Tham phải thật tham, ngộ phải thật ngộ, chớ có nói càn!

Sư nói:

Con nhân đánh lửa mà phá nghi, mới biết mày ngang mũi dọc.

Thọ nói:

- Đó là chỗ riêng!
- Làm sao tỏ rõ?
- Răng chỉ toàn là xương, tai là da hai bên.
- Lẽ đâu cũng riêng?

Thọ đáp:

- Sai!

Sư hét lớn:

Giặc cỏ thua to!

Thọ không nói nữa. Hôm khác Thọ cử “Hai thủ tòa của Lâm Tế cùng hét, tăng hỏi Lâm Tế: Có chủ khách không? Lâm Tế đáp: Chủ khách rõ ràng.”. Rồi Thọ hỏi Sư:

- Ông hiểu thế nào?

Sư đáp:

Đập vỡ kính thời Tần, mài nhọn chùy thượng cổ, rồng bay ngoài
Tiêu Hán, nhọc đánh nữa làm gì.

Thọ nói:

- Ông chỉ được Cơ mà không được Dụng.

Sư liền lật thiền sàng, Thọ nói:

- Vui ở giữa đường, rốt cuộc chưa tới nhà.

Sư đưa nắm tay lên nói:

Tinh linh ngàn năm hồ mị hoang

Hôm nay khám phá chẳng giá trị.

Thọ đánh một phất tử nói:

- Ông chỉ được Dụng mà không được Thể.

Sư bước tới nói:

Núi xanh toàn sắc lạnh

Trăng soi một suối mây.

Thọ nói:

- Ông chỉ được Thể mà không được Trí.

Sư nói:

Nước chảy Tây sang Đông

Hoa rơi chẳng ngược hướng.

Thọ nói:

- Ông tuy giỏi Ngữ ngôn Tam-muội, nhưng vẫn chưa có chỗ giao
tiếp.

Sư đưa nắm đấm và vỗ tay một cái. Lúc ấy tượng thất bị chấn
động.

Thọ nói:

- Phải thế! Phải thế!

Sư phất áo đi ra. Hôm sau Thọ sai Sư làm thư ký. Từ đó Trung Hòa
dùng vô số cửa ngõ hướng thượng, cốt lõi sai biệt vấn biện để nghiệm
Sư. Sư dùng biện tài vô ngại ứng đối lưu loát. Sức liễu ngộ của Sư sâu
xa siêu việt hẳn những người trước đó. Một hôm Khánh Thọ nói với
Sư:

- Nay ông đã đến được đất đại an lạc, phải khéo giữ gìn. Ta có
chánh pháp nhãn tạng của Như Lai, Niết-bàn diệu tâm của Tổ sư, nay
mật trao cho ông, ông chớ để mai một.

Sư bịt tai đi ra. Thọ liền đem y và bài tụng trao cho Sư. Bài tụng
rằng:

Đất trời đồng cội dâu hề sai

Trong nhà ngoài ngõ thấy gặp người

*Nay ta giao phó không vương ấn
Muôn pháp rõ ràng thấy nhất như.*

Sư ra hoàng hóa, trụ ở Nhân Trí thuộc Hưng châu, sau dời về Hưng Quốc, Hưng An, Vĩnh Khánh ở Khải Dương, cho đến chùa Đại Khánh Thọ đều là theo lời mời của Thái sư, Quốc vương và các trọng thần. Trong thất, Sư thường dùng “Tứ Vô Y Ngữ” để nghiệm người học (có ghi trong hành trạng của Sư). Tháng mười một năm Tân Mão, Sư nhận được ân tứ của Hợp Hãn Hoàng Đế tùy ý đi lại. Một hôm Sư gặp mấy vị Tăng dưới hành lang, Sư hỏi vị Tăng thứ nhất:

- Đi đâu?

Tăng đáp

- Ngắm hoa!

Sư liền đánh. Sư hỏi vị Tăng thứ hai:

- Đi đâu?

Tăng đáp:

- Lễ Phật!

Sư cũng đánh. Sư hỏi tăng thứ ba:

- Đi đâu?

Tăng đáp:

- Đi đâu!

Sư cũng đánh. Sư hỏi tăng thứ tư:

- Đi đâu?

Tăng không đáp. Sư cũng đánh. Sư hỏi tăng thứ năm:

- Đi đâu?

Tăng đáp:

- Đi tìm Hòa thượng!

- Tìm ông ta làm gì?

- Đánh cho một trận!

- Đem cái gì đến đánh?

- Chẳng đem gậy đến mà đánh!

Sư đánh ông tăng liền bốn cái, nói:

- Đây là gậy đánh sông!

Mọi người đều bỏ chạy, Sư gọi:

- Các vị thượng tọa!

Mấy ông tăng quay đầu lại, Sư hỏi:

- Là cái gì?

Năm Ất Mùi, triều đình sai Trát Hốt Đốc Thị Độc tuyển chọn tăng đạo thi kinh. Trưởng lão Vạn Tùng than: ‘Từ khi thay đổi quốc triều tới

nay, Sa-môn bỏ bê nơi giảng thuyết, người xem kinh đọc luận lại càng ít”. Thế rồi Vạn Tùng cùng các bậc lão túc của Thiên, Giáo thỉnh Sư chủ trì việc này. Sư ung dung đáp: Các vị phải nhân cơ hội này khích lệ tăng chúng học và ứng thí kinh điển. Chúa thượng ắt có thâm ý. Ta thấy Sa-môn ngày nay ít giữ gìn giới luật, học cũng không thật lòng, ngày càng cách xa đạo. Bởi vậy Thiên, Long không hỗ trợ mà sai khiến triều đình mở hội thi kinh này. Tam bảo gia hộ thì ắt không phụ thánh chiếu.

Sau khi gặp những sứ giả của vua, mọi việc sắp đặt theo cách thức thế nào họ đều cùng bàn bạc với Sư. Thừa tướng Hạ Lý sai Hốt Đô Hộ Đại quan nhân đến nói với Sư rằng:

- Nay phụng thánh chỉ, sai quan lại giám sát việc thi kinh, người nào biết chữ thì cho làm Tăng, người không biết chữ thì cho hoàn tục.

Sư nói:

- Sơn tăng chưa từng xem kinh, một chữ cũng không biết.

Thừa tướng hỏi:

- Đã không biết chữ làm thế nào làm được Trưởng lão?

Sư hỏi:

- Nay đại quan nhân có biết chữ không?

Khi đó chư hầu ở biên cương đều có mặt ở đó, nghe Sư hỏi, ai nấy đều sửng sốt. Thừa tướng hỏi:

- Kết cuộc là thế nào?

Sư đáp:

- Nếu ai thiếu tỏ việc này thì thông tỏ Phật pháp. Phải biết rằng thế gian pháp tức là Phật pháp, tình đạo lẽ đâu khác tình người? Người xưa cũng lắm kẻ xuất thân từ buôn bán, lập đại công danh trong đời, nêu danh trong sử sách, tiếng tăm lừng lẫy ngàn năm, hướng gì ngày nay thiên tử anh minh trị vì như mặt trời mặt trăng soi sáng. Việc khảo thí tăng đạo, chẳng hạn cũng có người đồng niên, đâu phải bậc hiền lương mới đáng là bậc khoa cử của quốc gia! Vả lại, phải chăm làm muôn thiện, kính phụng Tam bảo, vâng với mệnh trời làm hưng thịnh vạn nước, việc lấy hay bỏ đối với Sa-môn chúng tôi đâu có gì đáng nói!

Thừa tướng đem việc này nói lại với Đại quan nhân và tâu với Hoàng Đế. Nhờ đó tuy cũng thi kinh nhưng không đuổi Sa-môn hoàn tục. Thái Tổ hoàng đế nhân từ hạ thánh chỉ cho phép chúng tăng tu học như cũ.

Năm Bính Thân, quan Hữu ty muốn đóng dấu lên tay mọi người để dễ nhận biết. Sư ra sức can Hát Đô Hộ Đại Quan nhân rằng: Con

người không phải trâu ngựa, họ đều đã quy phục quốc triều. Thiên hạ rộng lớn, bốn biển bao la, giả sử họ có trốn chạy cũng không biết chạy đi đâu, lẽ đâu ta lại đóng dấu họ như đóng dấu trâu ngựa chẳng?

Từ đó việc đóng dấu để nhận biết này không thi hành. Hồi đó, hậu duệ của Khổng Tử là Tập Phong Diễn Thánh Công Nguyên Thố vượt sông về khôi phục lại nơi thờ tự của Khổng Tử ở Khúc Phụ. Lúc ấy, ông ta cầm thư của Đông Bình Nghiêm Công đến gặp Sư, Sư đem việc của Tập Phong nói với Đại quan nhân. Sư nói: “Khổng Tử rất giỏi về văn hóa học thuật, ông dùng cái đạo đại trung chí chính, dùng lễ giáo Tam cương Ngũ thường, cội nguồn của tánh mệnh họa phước, dùng đạo của vua tôi cha con vợ chồng để trị quốc tề gia bình thiên hạ. Nền tảng của tấm lòng ngay thẳng, ý nghĩa chân thành ấy từ Khổng Tử đến Tập Phong Diễn Thánh Công cả thấy năm mươi một đời. Bao đời Đế Vương đều cho họ thừa tập tế tự, việc ấy chưa hề có sai sót nhỏ”.

Đại quan nhân nghe vậy rất kính tín, từ đó nghe theo lời Sư, phục chức cho Tập Phong để kế thừa việc tế tự. Sư lại nhờ Ngạn Mạnh Tương truyền đạo của Khổng Tử khiến cho con cháu ông ta không dứt. Đồng thời cũng nói hộ cho những nho sĩ, người học theo Châu Khổng, và họ đều được miễn thuế sai dịch, khiến họ càng gắng sức với đạo làm rạng rỡ nước nhà.

Tháng giêng năm Đinh Dậu, Thái Tổ hoàng đế, Nhị Hoàng Hậu ban cho Sư hiệu là Quang Thiên Trấn Quốc Đại Sĩ. Mùa đông năm Kỷ Hợi, Sư ra hoàng hóa tiếp, và trụ trì chùa Đại Khánh Thọ. Năm Nhâm Dần, Hộ Tắt Liệt Đại Vương thỉnh Sư vào Vương phủ hỏi về đại ý Phật pháp. Ban đầu Sư dùng giáo lý nhân quả của trời người, rồi dùng vô số pháp yếu để khai mở bản tâm cho Vương. Vương sinh tín tâm cầu thọ Bồ-đề tâm giới. Khi ấy Bình Trung Thư Ký là Thị Lang Lưu Thái Bảo hỏi Sư:

- Trong Phật pháp có cách làm yên ổn thiên hạ không?

Sư đáp:

- Bao hàm pháp giới, dưỡng dục bốn loài, việc này có đầy đủ trong Phật pháp. Bốn đại châu này chẳng khác một vài vi trần trong đại địa, huống gì là một Tứ hải! Nếu luận về xã tắc an nguy, việc này đều ở trong sự vui buồn của muôn dân. Muôn dân vui buồn, xã tắc an nguy đều nằm ở trong việc trị nước, nằm ở mệnh trời. Dù ở trời hay người đều chẳng lìa tâm, mà con người không biết giữa trời và người khác hay là giống? Pháp lưu hành ở đâu? Bởi vậy mới phân ra trời và người. Pháp của Phật Thích-ca ta nếu luận trong triều đình thì đã nói rõ trong Vương

Pháp Chánh Luận Phẩm. Lý rõ ràng như vậy, chẳng khó chẳng dễ, chỉ sợ vương không thể làm hết thôi! Hơn nữa, Vương phải tìm những bậc đại hiền danh nho trong thiên hạ hỏi những việc trị loạn hưng vong từ xưa đến nay, tất nghe được những điều hay.

Wương lại hỏi:

- Trong Tam giáo, giáo nào cao nhất, pháp nào hơn hết, người nào trên hết?

Sư đáp:

- Trong các Thánh nhân, Đức Phật ta trên hết, trong các pháp, Phật pháp là hơn hết, trong loài người Tăng là người không đối trá. Bởi vậy trong Tam giáo thì Phật giáo đứng đầu, là mẫu mực của xưa nay.

Từ đó Thái hậu tuân theo Thánh chỉ của Tổ Hoàng cho Tăng đứng trước, Tiên nhân không được ở trên tăng. Vương dùng gấm lụa châu ngọc và Đại y may bằng sợi vàng dâng cúng cho Sư. Vương cố giữ Sư lại nhưng Sư ra sức chối từ. Lúc chia tay Vương hỏi:

- Từ nay xa cách, làm thế nào thọ trì Phật pháp?

Sư đáp:

- Tín đầu khó sinh, thiện tâm khó phát, nay đã phát sinh, cốt phải giữ gìn, chuyên tâm đừng quên, mới thọ Bồ-đề, tâm giới chưa thấy, có lỗi với Tam bảo, thường nghĩ đến bá tánh, khéo vỗ cho dân yên, thưởng phạt cho công bằng, làm quan phải vô tư, thâm nhận người hiền, nghe lời can gián, bất cứ lúc nào cũng dùng phương tiện, đó đều là Phật pháp.

Sau khi Sư đi, có một thiếu niên xấu đến gièm pha nói xấu, cho rằng Phật pháp không đáng tin. Vương nghe vậy liền gọi người ấy lại, dùng lời của bậc đại nhân giáo huấn, rồi dùng hình pháp bắt tội. Có người thưa lại với Sư, Sư quay lại dạy Vương rằng: Gương sáng trên đài, kẻ xấu người gian tự hiện; kiếm thần trong tay, thưởng phạt phải vô tư, nếu chánh niệm hiện tiền thì giết bọn tà kiến ngoại ma là đáng, nhưng Vương phải có lòng nhân từ khoan dung mới được.

Wương nghe vậy càng kính phục Sư. Năm Giáp Thìn, Hộ Tất Liệt Đại Vương cúng cho Sư cái nón đính ngọc. Năm Ất Ty, Sư phụng chiếu của Thái Hoàng hậu đến cầu phúc cho xã tắc ở Ngũ đài. Năm Bính Ngọ, Sư phụng chiếu của Thái Hoàng hậu đi tiếp, nhưng giữa đường gặp phải gió to nên quay lại, kể đó Sư nhận chiếu được về đất Yên. Năm Đinh Mùi, Quý Điền Hoàng đế lên ngôi, hạ chiếu thỉnh Sư thống lãnh tăng chúng. Vua ban cho Sư vạn lượng bạch kim. Sư mở đại pháp hội ở chùa Hạo Thiên cầu phúc cho xã tắc. Thái tử Hợp Lại Sát thỉnh Sư vào Hòa Lâm mời Sư trụ ở Thái Bình Hưng Quốc Thiền tự, vô cùng tôn kính Sư.

Năm Tân Hợi, Mông Ca Hoàng đế lên ngôi, hạ chiếu ban thưởng và thỉnh Sư thống lãnh Tăng chúng, cho miễn hết sai dịch, làm đúng phép chế cũ. Tháng giêng năm Bính Thìn, Sư phụng Thánh chỉ dựng pháp hội ở chùa Hạo Thiên, ngày mồng hai Sư bị trúng phong ngay trong pháp hội, và bị chứng liệt nửa người. Đến mùa hạ bệnh mới khỏi đôi chút. Lúc đó Húc Uy Liệt Đại Vương sai sứ Mông Cổ là Vạn Tuyên đem trượng bằng vàng, y ca-sa đính vàng và Thánh chỉ đến cúng cho Sư và cầu pháp ngữ. Tháng bảy, Sư nhóm họp các bậc trưởng lão, giao phó lại mọi việc, Sư viết kệ xong rồi nói: “Các ông chớ âm ỉ, ta muốn yên nghỉ”. Thị giả liền cấp tốc gọi người chủ sự đến, Sư nằm nghiêng bên phải an nhiên quy tịch, lúc ấy là ngày mồng bốn tháng mười một, thọ năm mươi sáu tuổi. Đồ chúng trà-tỳ thâu vô số xá-lợi, theo Thánh chỉ của Hốt Tất Liệt Đại Vương dựng tháp Sư bên cạnh chùa Đại Khánh Thọ, Vương ban Sư thụy là Phật Nhật Viên Minh Đại Sư. Sư thuộc đời thứ mười sáu dòng phái Lâm Tế.

Mậu Ngọ: Vua hạ chiếu cho Tăng, Đạo phân tích biện luận Hóa Hồ Kinh. Hoàng thượng đại giá nam chinh.

Kỷ Mùi: Tháng chín, đại binh từ Hử Hoàng Châu vượt sông chinh phạt Tống, bắt họ cống nộp hàng năm rồi rút binh. Hoàng thượng mất ở Diếu Ngư Sơn, Tống đổi niên hiệu Khai Khánh năm đầu.

5. Thế tổ:

Canh Thân: Đại Nguyên Thế Tổ Thánh Đức Thần Công Văn Võ Hoàng đế lên ngôi. Ông sửa sang cơ nghiệp, cai trị thiên hạ, dung hòa bốn biển, vạn bang đều triều cống. Ông lập ra pháp độ, điều chỉnh kỷ cương làm thành phép tắc cho con cháu muôn đời. Ông nhân từ độ lượng, tin sâu nhân quả, không dạy mà ai cũng tin, không nói mà ai cũng làm. Đức của bậc Thánh quân rộng lớn bao la, thật không nói hết.

Tống đổi niên hiệu Cảnh Định năm đầu. Đại triều sai Xích Kinh Thông đi giảng hòa. Ngày mười chín tháng năm đổi niên hiệu Trung Thống. Ngày hai mươi bảy, đại xá thiên hạ, phổ độ Tăng Ni.

Tân Dậu: Thi hành phép chế Trung Thống, Bình Chương Vương dâng biểu tấu. Lập Khai bình phủ thành ra Thượng đô. Tống mua ruộng công, bắt đầu từ đất Triết.

Giáp Tý sáu mươi sáu: Chí Nguyên năm đầu, Thành Yên dựng đô, ngày mười sáu tháng tám đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ, mở hội độ tăng, vua hạ chiếu thỉnh Quốc sư Ban-di-đạt-phát-tư-bát thăng tòa, truyền trao Bí mật giới.

6. Vua báii phong Lưu Bình Trung chức Thái bảo Tham lãnh Trung Thư tỉnh sự:

Tháng tám năm này, báii phong Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo Tham Lãnh Trung Thư Tỉnh Sự. Trường Sinh Thiên Khí Lực Lý Hoàng Đế hạ Thánh chỉ: Lưu Bình Trung chí khí ngay thẳng, học vấn uyên thâm, tuy ẩn mình trong không môn, nhưng vẫn để tâm trong Thánh đạo. Lúc trẫm chưa lên ngôi, khanh thật là khách quý, hơn hai mươi năm được nghe những lời luận nghị sáng suốt. Ra đi phương xa, vượt qua vạn dặm, khanh cũng theo hầu nhờ kế mà được an. Trước không có chánh danh thì lấy gì thu phục lòng người, nên nay phải nâng cao địa vị của Sư để quản lý việc chánh sự, đặc phong chức Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo Tham Lãnh Trung Thư Tỉnh Sự. Khanh hãy gắng giúp trẫm, lấy mình làm gương mới được. Coi kẻ lười người siêng trong sớm chiều, xét lẽ phải điều quấy trong nghị luận. Nếu có đề xuất việc gì cho phép khanh tự ý quyết đoán, dựa vào công trạng, ban thưởng xứng đáng (kính trọng nhận việc này. Tháng tám năm Trung Thống thứ năm).

Ất Sửu: Tống đổi niên hiệu Hàm Thuần năm đầu. Độ Tông lên ngôi. Ban đầu ông có tên là Mạnh Khải, là con của Phước Vương Dư Nhuế, con nuôi của Lý Tông. Lý Tông có nhiều con nhưng không nuôi mà nuôi Mạnh Khải trong cung, đổi tên là Tư, sau lại đổi tên là Cơ rồi lập làm Hoàng tử, phong làm Trung Vương, sau lại phong Phó quân, đổi tên là Duệ.

Bính Dần: Phật giáo truyền sang Đông độ được một ngàn hai trăm năm.

Mậu Thìn: Đại binh vây Tương dương, lúc này Lã Văn Hoán cấp báo, Tống sai Cao Liên, Phạm Văn Hổ tiếp viện. Đại binh chiếm nơi hiểm yếu, Liên Châu Tráp không liên lạc được. Tháng mười, đất Tống có nhật thực.

Kỷ Tỵ: Đế Sư Phát tư-ba soạn xong chữ Mông Cổ, tháng hai cho lưu hành khắp nước.

Canh Ngọ: Lập ra Thượng Thư Lục Bộ. Tống bị đại hạn. Chí Nguyên năm thứ bảy, vua hạ chiếu thỉnh Đả Ba Kim Cang Thượng Sư trụ trì chùa Nhân Vương, phổ độ Tăng Ni.

7. Bài tựa nói về Đế sư thuyết Yết-ma Nghi Quỹ:

Đại Nguyên Đế sư Bí sô Phát tư ba thuyết Căn Bản Hữu Bộ Xuất Gia Thọ Cận Viên Yết Ma Nghi Quỹ, và tự viết bài tựa rằng: Vận may của Thiệm-bộ đến Tứ Phật Thích-ca Văn Như Lai để lại giáo huấn lợi

lạc hữu tình. Đại Nguyên ngự thế, chủ thứ năm thuận trời thuật đạo nhân nghĩa văn võ. Thái Quang Hiếu Hoàng Đế lên ngôi, thiên tư thông tuệ, tin sâu nội điển, khiến cho vạn bang đồng quy một mối. Dù cưu mang khắp cả mà sự cực thịnh cũng vô cùng, đến Chi na hoàng pháp nhưng với mình vẫn không nghĩ, là muốn từ Phật truyền thừa, thầy trò kế thế đến nay vẫn vậy. Chánh Giới Nghi Quỹ là hạnh lành rờng rạc khiến ai nấy đều thường giữ tịnh giới chuyên tu ba nghiệp, hằng giữ bốn uy nghi. Đây thật là yếu chỉ sáng suốt mà Thánh hoàng khuông chánh Phật pháp. Xưa Đức Thiện Thệ nói kinh Thanh Văn Thượng Giáo Nhất Thiết Hữu Bộ Biệt Giải Thoát cho chúng trời người, dựa vào đây nhất góp những gì chưa được khiến cho nó được. Luật Nghi phương tiện, Yết-ma Nghi Quỹ là tổng tập của Thánh Quang Đức Sư. Ban đầu từ Thiên Trúc dần dần đến Tây Phiên, từ đó có Đổng Đạt Ngũ Minh Pháp Vương Đại sĩ Tát tư ca ban để đặt tên là Phổ Văn Thượng Tác Bí-sô Phát Tư Ba là pháp chủ của giáo pháp ta. Đại Nguyên Đế sư đạo đức cao vời, dấu tích khó biết. Ngài trao Nghi Quỹ này, truyền bá ở Trung nguyên, khiến cho Tỳ-kheo lâu thông Tam tạng trụ nơi tư quán mà diễn thuyết chánh bản. Người phiên dịch lại giỏi văn tự của ba nước biện tài lại vô ngại, lại nhờ Hàn Lâm trong cả nước hoàng truyền không mệt mỏi. Người dịch ra Hoa ngữ có duyên với Bắc Đĩnh Đô Hộ Phủ, lại giỏi cả hai ngôn ngữ, văn pháp lại tinh thông. Tăng sĩ tôn túc ở các lộ phối hợp với Thai tát ly đô Thông Ký hàn lâm học sĩ An Tạng dùng ngôn ngữ của các nước để hoàng truyền, phụng chiếu dịch thành nghi thức. Bài tựa do Đế sư tự viết. Tất cả tinh hoa nhờ biên tập mà hiện, ngọn ngành tinh thô nhờ đây mà thấy rõ. Mùa đông năm Canh Ngọ niên hiệu Chí Nguyên thứ bảy, đến hai ngày sau thì viết xong lời tựa.

Tân Mùi: Tháng mười một bắt đầu có quốc hiệu Đại Nguyên, dựng trường học Mông Cổ, nhà Tống bị nạn đói.

Quý Dậu: Hạ chiếu dụ hàng Lã Văn Hoán. Tháng hai, đại binh đánh phá Phần Thành, Lã Văn Hoán đem Tướng Dương ra hàng.

Giáp Tuất: Vua lệnh cho Thừa tướng Bá Ngạn đánh Tống. Tháng ba, vua Tống mất, Thái tử lên ngôi lúc bốn tuổi.

8. Văn bia nói về Lưu Thái Bảo Thần đạo:

Tháng tám năm này, Quang Lộc đại phu Thái Bảo được tặng hiệu Thái Phó Nghi Đồng Tam Ty Văn Trinh Lưu Công chết. Hàn lâm học sĩ gia nghị đại phu Tri Chế Cáo kiêm Tu quốc sử Vương Bàn Phụng chiếu soạn bài minh bài tựa trong Thần Đạo bia. Trong ấy ghi: Cày ruộng ở

đất Sần không phải là nơi cầu tiến, thế mà Y Doãn làm đến chức A Hoàn (Tể tướng); câu cá ở sông Vị không phải là nơi khéo làm quan thế mà Thái Công làm đến chức Tể phụ. Trương Lương đời Hán đặt chí với Xích Công nhưng Cao Tổ có được ông ta phụ giúp mà làm nên Đế nghiệp, Lý Bí đời Đường từ nhỏ thích Tiên thuật nhưng Túc Tông nhờ ông ấy giúp sức mà trung hưng Vương nghiệp. Đó là bởi vì kẻ sĩ trong thiên hạ, chỉ những người tự trọng mới làm nên như vậy, còn những kẻ tự khinh ắt không phải là kỳ sĩ. Bởi vậy, những minh quân ngày xưa chọn kẻ sĩ không phải vì họ đẹp đẽ làm vui mắt, dễ thân gần mà quý họ ở chỗ có chí khí cao xa thanh liêm mà người khác khó làm được. Thánh Thiên tử dùng Thái Bảo Lưu Công là vì ông tà là người biết xét rõ muôn việc, tư chất thanh liêm, mền mộ giáo pháp không tịch, coi giàu sang như mây nổi, xem công danh tựa mộng huyễn, chưa từng mảy may để vinh lợi quấy động lòng mình. Thánh Thiên tử lần đầu tiên gặp ông liền ân cần mời đón, tiếp đãi như tâm phúc của mình, thân nhau như cá với nước. Ông ấy có mưu sâu kế kín, dù là bậc lão túc thân cận, cao sang, nhưng có điều gì không thông đều cùng ông bàn bạc quyết định. Đức tính chân thành, thông tuệ; chí khí tận trung của ông, so với Tể Phục ở sông Vị, A Hoàn ở Thương Ba dù không cùng thời nhưng rất hợp ý.

Ông húy là Bình Trung, tự Trọng Hối, quê ở thôn Lưu Lý, Thụy châu, tổ tiên ông đều làm quan to hiển đạt. Đời nhà Kim, tăng tổ của ông từng giữ chức Hình Châu Tiết Độ Phó Sứ, hết làm quan ông ấy lui về ở ẩn, lập nghiệp ở đất Hình. Bởi vậy từ ông nội của ông về sau đều định cư ở Hình Châu. Ông nội ông húy là Trạch, bản tính phong lưu, dân làng rất kính trọng. Cha ông húy là Nhuận làm quan trong triều giữ chức Hình Châu Lục Sứ và Đề Lĩnh của hai huyện Cự Lộc, Nội Khâu, rất được vua mền mộ ân sủng. Ông hình dung tuấn tú, chí khí thanh cao, không ưa luồn cúi, dù gia cảnh túng thiếu. Năm mười bảy tuổi, ông làm chức Hình đài tiết độ sứ phủ lệnh sử để nuôi mẹ già. Ông mãi tiếp thanh cao, cật lực thân đương triều rất nể phục tài năng của ông.

Một hôm, nhân lúc đọc sách, như có điều gì không thỏa ý, ông ném bút than: Nhà ta nhiều đời làm quan, nay ta cũng lại vùi mình trong chức quan bút mực này sao? Trượng phu không nên đặt mình trong thế tục, phải cầu pháp xuất thế thôi!

Thế rồi ông bỏ quan đi ở ẩn trong hang núi tại Vũ An sơn, ăn rau mặc lá hàm dưỡng ý chí. Thiền sư Hư Chiếu ở chùa Thiên Ninh nghe vậy liền sai người mời ông đến, thế phát độ làm tăng. Do ông biết kinh thư, giỏi về chữ nghĩa nên Hư Chiếu sai ông làm chức thư ký. Sau ông

vân du đến Vân Trung ở tại chùa Nam Đường, lại gặp phải lúc Thiên sư Hải Vân được mời về Bắc. Hải Vân đi ngang qua Vân Trung nghe tiếng ông là người học rộng đa tài liền tìm đến gặp. Gặp xong, Hải Vân rủ ông cùng đi. Ông không thích đi, Hải Vân nài nỉ mãi, bắt đắc dĩ ông đồng ý. Đến xong, ông yết kiến Hoàng thượng ở Tiềm Để. Vừa gặp ông ứng đối rất hợp ý vua, từ đó vua nhiều lần triệu ông đến vấn đáp. Đến khi Hải Vân về Nam, ông khẩn cầu xin về chịu tang. Hoàng thượng ban cho ông trăm lượng vàng ròng, và sai sứ tiễn đến Hình châu. Ông lo liệu việc tang, đắp mộ ở Cổ thôn, an táng ông bà nội, cha mẹ. Mãn tang ông lại được triệu về Hòa lâm. Ông dâng thư đệ trình hơn mười điều về những việc cần làm cho bá tánh, cả thấy hơn vạn lời, cái chính là việc nhân chủ phải che chở cho muôn dân. Hoàng thượng vui vẻ làm theo. Năm Giáp Dần, ông theo vua đi Vân Nam. Năm Kỷ Mùi ông theo vua đi đánh Tống, vượt sông Tể vây lấy Ngạc châu. Vua là người uy phong quyết đoán, mỗi khi lâm chiến, thường không ai địch nổi, mà trong lòng rất nhân ái. Ông thường khuyên vua nên lấy đức hiếu sinh trong trời đất làm đức của mình, nhà Phật lấy lòng từ bi cứu vớt làm tâm, dùng phương tiện cứu giúp che chở. Những người được cứu sống thật không đếm hết. Mùa xuân năm Canh Thân, Hoàng thượng chánh thức lên ngôi, sáng lập triều nghi, lập ra quan vị, đổi niên hiệu, tất cả những gì cần làm lúc đó đều do ông đề xuất quyết định. Tháng tám năm Trung Thống thứ năm, đổi niên hiệu là Chí Nguyên năm đầu, hàn lâm học sĩ làm theo Thánh chỉ, Vương Ngạc tâu: “Thư Ký Lưu Bình Trung tận trung với triều đình trong nhiều năm, cống hiến mưu sâu cho triều đình, an định kế lớn cho xã tắc, tận trung tận lực, đáng được ân thưởng. Nay Thánh thượng ngự thế, muôn vật nhờ ơn, Bình Trung vẫn còn mặc áo vải, bỏ tước hiệu, sống đạm bạc giữ chí mình, đó là điều thần áy náy. Nay Thánh thượng nên chính thức ban áo mào, phong tước vị cho ông ấy, được vậy thỏa lòng mong muốn của mọi người”.

Hoàng thượng xem xong, vui mừng ứng chuẩn. Ngay hôm đó, vua sai Hữu ty sắm đủ lễ nghi trao ông chức Quang lộc đại phu, tước vị là Thái Bảo Tham Lãm Trung Thư Tỉnh Sự, và tuyển chọn con gái thứ của Thị giảng học sĩ Đâu Mặc cho làm vợ ông, ban nhà ở tại Phụng tiên phường, rồi cấp cho kẻ hầu người hạ. Nhưng ông vẫn ăn chay, cả ngày ngồi tĩnh tọa, so với trước đây chẳng chút giải đãi.

Chí Nguyên năm thứ mười một, ông hộ giá đến Thượng đô trụ trong tinh xá ở Nam Bình sơn. Đêm mồng tám năm Nhâm Tuất, ông ngồi ngay không bệnh mà mất, hưởng thọ năm mươi chín tuổi. Vua

nghe tin khóc than thảm thiết, nói với quần thần: “Hơn ba mươi năm Bình Trung cần mẫn thận trọng chẳng ngại nguy nan, việc phải hay trái ông ta cũng nói thẳng, lại giỏi về âm dương thuật số đoán biết mọi việc vô cùng hiệu nghiệm, chỉ có trẫm biết, còn người khác ông ấy không cho nghe trước”.

Vua sai Lễ bộ thị lang Triệu Bình Ôn lo việc tang đưa về Đại đô. Mùa đông năm Nhâm Thân an táng rồi xây mộ. Mọi chi phí đều do triều đình gánh vác. Tháng giêng năm thứ mười hai vua hạ chiếu tặng ông là Thái Phó Nghi Đồng Tam Tỵ Hạ Thái Thường Nghị, thụy là Văn Trinh, rồi sai hàn lâm học sĩ Vương Bàn soạn văn bia. Bia ghi: “Thần là Bàn kính vâng Liệt Thánh kế thừa của quốc gia. Phàm bề tôi đem võ công an định họa loạn, khiến cho rỗng cuộn báo chạy, nhận bay hổ nhìn, công cao đức cả thì phải nêu tên trong sử sách, họa tượng nơi miếu đình, không làm không được. Còn như phụ giúp Thánh thiên tử mở nền văn minh thịnh trị, lập nền tảng thái bình, làm rạn vỡ triều cương thì chỉ có Thái phó Lưu Công là người đứng đầu. Thánh Thiên tử khi mới lên ngôi, kẻ sĩ không ngại đường xa dài nắng dầm sương, thường có lời cầu thỉnh mong được vua dùng, chỉ có ông là người không mong như vậy. Ông lặng lẽ an nhàn, mỗi lúc vua hỏi han, liền suy tiến những người ở Nam châu đều là những sứ giả giỏi giang, đều được trưng dụng. Từ đó cung cờ phát phối, xe ngựa dập dìu, thật là kẻ sĩ lão nho thực đức kỳ tài đa năng, thế nhưng vẫn ăn chay nằm đất không lúc nào lơ lửng đến nay đã ba mươi năm. Mở mang phủ tỉnh, phân bố quận huyện, khen cách đổi mới, có công an dân đều là những người mà lúc bình sinh ông ấy tiến cử. Thấy biết của ông thật cao xa, chỉ bàn ở góc độ này thôi cũng đủ thấy ông nhìn xa trông rộng biết dường nào!

Từ nhỏ ông rất hiếu học, đến già vẫn không thoái chí. Ông thông hiểu âm luật, rành về toán số, giỏi về âm dương, thiên văn địa lý. Những sách như Lục Nhân Độn Giáp, kinh Dịch, Tượng Số, sách vở của Thiệu Thị Hoàng Cực ông đều biết khắp. Hồi ấy Đinh Thái Phu Nhân rất lo. Ông ốm o gầy yếu, mặc một chiếc áo hồ cừ rách nhưng vẫn để chí trong ba tạng. Đến khi Lục Sự công mất, thân tuy xuất gia, nhưng ông vẫn nhịn ăn nhịn uống, hình dung tiêu tụy, giữ đúng lễ nghi, tống táng cha mình mà không hề có chút sơ suất. Về già ông mới có vợ nhưng không con, nuôi Lan Chương làm người nối dõi. Em ông là Bình Thứ nay giữ chức Thuận Thiên Lộ Tổng Quản.

Thần là Bàn kính cẩn dựa theo hành trạng do Trung Thư Tả Thờ Trương Văn Khiêm soạn, theo thứ lớp của công trạng ông mà làm bài

minh rằng:

Năm đời Đại Nguyên, vận thánh hưng long
 Lại có dị nhân, giúp đời khương thái
 Chẳng ngồi quan phủ, chẳng tới sân triều
 Áo vải ăn chay, để tâm thiền tịnh
 Lo cho xã tắc, tận lực trung lương.
 Chỉ bày thành bại, khai mở âm dương
 Sâu xa rõ ràng, quý thần khó lường.
 Nâng mặt trời lên, chiếu soi muôn hướng
 Muôn phương ngưỡng vọng, trăm họ an vui
 Sân bày ngọc lụa, đường bủa thang thuyền
 Triều nghi nghiêm chỉnh, chững chạc uy nghiêm
 Người hiền tìm đến, kẻ trí theo về
 Đồng dựng nghiệp lớn, ai nấy hân hoan.
 Xã tắc an định, dòng thánh rõ ràng
 Trọng người hào kiệt, kính bậc vương hầu.
 Dựng lập Hoàng gia, xứng công Nguyên triều
 Lương, Bình giúp Hán; Phòng, Đỗ giúp Đường
 Ông vẫn khiêm nhường, lại càng tỏ rõ.
 Thấy giỏi liền tiến, thấy tài liền cử
 Trên bờ cách trở, liền làm cầu đường
 Dưới nước gặp nguy; cho buồm, mái đẩy.
 Lạnh: cho áo kếp; nóng: tặng áo đơn
 Đói thì cho cơm, no thì mời sữa
 Đào Lý trong sân, xán lạn tươi tốt
 Họ cảm đức ngài, ghi lòng tạc dạ
 Ông ban thứ gì, chẳng hề để bụng
 Nhân nghĩa như ông, phải thọ dài nữa
 Có sao mới đó, đã vội quy tiên?
 Thành Yên dòng Nam, suối Lô đất Bắc
 Thành đẹp âm u, vì ông lâm biệt
 Đất yên suối lặng, từng bá tiêu điều
 Đá nát từng khô, tiếng thơ truyền mãi.

Vua truy tặng hiệu Nghi Đồng Tam Ty Thái Phó thụ là Văn Trinh.

9. Vua hạ chiếu ban cho Thái Bảo thụ là Văn Trinh:

Thánh chỉ của Trường Sinh Thiên Khí Lực Lý Đại Phước Ấm Hộ

Trợ Lý Hoàng đế viết: Bề tôi đem trung hiếu thờ vua, tận trung thành thật phụng sự. Vua lấy lễ nghĩa đãi ngộ bề tôi, hằng yêu mến trước sau như một. Khanh mất rồi ta ngỡ như còn sống. Cố Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo Lưu Bình Trung sở học vượt trời người, hiểu biết xuyên suốt kim cổ, nổi bậc nhưng sâu xa, an tĩnh không khoa trương. Xưa, hầu chúa thượng nhiều lần cống hiến mưu cao, ba lần gặp gỡ khẩn thiết dâng thư vạ lời, chỉ vì muốn đem cả thiên hạ đặt vào đất an khương, khuyên bậc nhân chủ đừng nên lạm sát. Trẫm kính phục mà noi theo, khanh tận tâm mà giúp sức. Có được một người như khanh thật hợp tâm của trẫm, mà cũng chỉ mình trẫm hiểu được ý của khanh. Mọi việc đều hiệu nghiệm, chẳng có tâm mong cầu, vẹn toàn ngót ba mươi năm. Chẳng tránh nguy nan, khẩn thiết dâng mấy trăm tấu biểu, đều có lý có tình, là đạo lý an định trăm họ, khéo léo gánh vác việc người xưa, ai bảo rằng trời xanh bất công khi tặng một người như vậy? Nói đến đây, ngày nào mới quên được! Chỉ có tôn quý của Di phụ, chứ nào có mộ phần của Tuyên Quỳnh! Là thọ mạng hiển vinh, là thêm hoa nhất phẩm, tặng khanh áo quan để bước lên ngôi vị Tam Hòe. Lại gia phong hiệu, nêu tỏ công cao, mong anh linh khanh chứng biết cho tác lòng ưu ái của trẫm. Truy tặng hiệu Nghi Đồng Tam Ty Thái Phó thụy là Văn Trinh. Khâm thủ! (Tháng giêng năm Chí Nguyên thứ mười hai).

Ất Hợi: Chí Nguyên thứ mười hai, vua hạ chiếu dụ các châu huyện mới lập nên ở Lương hoà. Tổng đổi niên hiệu Đức Hựu. Ấu chúa là Thấp lên ngôi. Thấp con của Độ, mẹ là Toàn hậu, Tạ hoàng thái hậu lâm triều. Rằm tháng sáu, đất Tống hết nhật thực.

Bính Tý: Thiên binh Đại Nguyên tiến vào, cả nước đều quy phục. Ngày mười tám tháng ba, Tạ thái hoàng hậu, Toàn hậu phong ấu chúa làm Danh Quốc Công. Toàn hậu làm ni trong chùa Chánh trí. Trước đây, Trần Nghi Trung, Trương Thế Kiệt theo Ích Vương, Vệ Vương đi Vĩnh gia, gặp được Tô Lưu Nghĩa rồi cùng mưu tính phục hưng cơ nghiệp. Tháng năm, Ích Vương lên ngôi ở Phước Châu, đổi niên hiệu Cảnh Viêm. Tháng mười một, thế lực Vương rất mạnh, nên dẫn binh vây Tam Sơn. Nghi Trung theo hai vương về Nam, tháng mười hai thì đến Quảng châu.

Vua hạ chiếu vỗ an quân dân quy phục. Ngày mười một tháng chín đại xá thiên hạ.

Nhà Tống gồm mười sáu chủ trị vì tổng cộng ba trăm mười bảy năm thì hết.

Đinh Sửu: Tháng mười hai, đại binh vây Quảng châu, Nghi Trung

phò hai vương đến Triệu Khánh phủ.

Vua sai Doanh Quốc Công đến Tư Ma Lộ học Phạm Thư và kinh chữ Tây Thiên. Vua dựng chùa Đại Thánh, Vạn An.

Mậu Dần: Mồng một tháng giêng năm thứ mười lăm mở hội trai tăng, đại xá thiên hạ. Ngọc Tuyên... cả thầy năm người đều được ân xá. Tháng ba, Nghi Trung phò Ích Vương theo đường biển vài lại Quảng châu. Rằm tháng tư thì Vương mất. Ngày mười bảy, Vệ Vương lên ngôi ở Võng Châu, đổi niên hiệu Tường Hưng. Tháng sáu, Thế Kiệt phò Vệ Vương đến Nhai Sơn. Tháng giêng năm sau đại binh đánh Nhai Sơn. Tháng tám, Nghi Trung vào Chiêm Thành đến nước Lạc hạc.

Canh Thìn: Tháng hai năm thứ mười bảy, Nghi Trung phò Vệ Vương từ Lạc hạc qua Chiêm thành rồi trở về. Tháng tư, họ lại đến Nhai Sơn. Trương Thế Kiệt mất không lâu, Quảng Đông, Quảng Tây đều quy về một mối. Tháng sáu soạn xong lịch mới lấy tên là Thọ Thời, năm sau mới cho lưu hành.

10. Hành trạng của Đế sư Phát Tư Bát:

Đại Nguyên Đế sư Phát tư bát thị tịch trong năm này. Hàn lâm học sĩ Vương Bàn v.v... phụng chiếu soạn hành trạng rằng: Hoàng Thiên Chi Hạ Nhất Nhân Chi Thượng Khai Giáo Tuyên Văn Phụ Trị Đại Thánh Chí Đức Phổ Giác Chân Trí Hựu Quốc Như Ý Đại Bảo Pháp Vương Tây Thiên Phật Tử Đại Nguyên Đế sư Ban di đất bạt tư phát đế sư là người nước Thổ Ba. Lúc chào đời có nhiều điềm lạ, ghi đủ trong gia phả. Hồi ấy nước Thổ Ba có Quốc sư Thiên Đất La Khất Đáp có uy thần lớn, truyền thừa nhiều đời. Quốc Vương và tôn túc đương thời rất tôn kính ngài. Ngài truyền mười bảy đời thì đến Tát Sư Gia Oa, tức bá phụ của Sư. Sư lạy bá phụ làm thầy, được mật truyền mười hai ngàn lời Bí Mật Già Đà. Sư đọc qua liền thuộc. Bảy tuổi Sư giảng pháp, biện bác ngang dọc, nhưng vẫn chưa mãn nguyện, nên Sư tiếp tục tham học khắp chư Lão Túc, rành lẽ diệu huyền, lâu thông ba tạng. Năm Quý Sửu, Sư được mười lăm tuổi, lúc này Thế Tổ Hoàng đế Long Đức chưa lên ngôi. Sư biết vua có chân mệnh đế vương nên liền đến Vương phủ. Thế Tổ, Hoàng thân, Đông Cung đều thọ giới pháp rất kính trọng Sư. Năm Mậu Ngọ, Sư hai mươi tuổi, lúc này Tăng và Đạo Sĩ đình chính Hóa Hồ Kinh, Hiến Tông Hoàng đế thỉnh Sư kiểm nghiệm đúng sai. Sư hỏi, Đạo sĩ không đáp được, do đó bỏ luôn học thuyết này, Hoàng thượng rất vui. Năm Canh Thân, Sư hai mươi hai tuổi, Thế Tổ Hoàng đế lên ngôi, lấy niên hiệu là Trung Thống, tôn Sư làm Quốc sư, trao cho ấn ngọc, làm

pháp chủ ở Trung Nguyên, thống lãnh giáo môn trong thiên hạ. Sư cáo từ vua về Tây, nhưng chưa đầy một tháng vua lại triệu sư đến. Năm Canh Ngọ, Sư ba mươi một tuổi, lúc này là năm Chí Nguyên thứ bảy, vua hạ chiếu chế ra quốc tự Đại Nguyên. Sư một mình vận dụng mẫu chữ và soạn xong, vua hạ chiếu cho lưu hành, các tỉnh quận huyện đều làm theo và trở thành điển chương của một thời. Sư được gia phong hiệu Đế Sư Đại Bảo Pháp Vương, lại được vua ban cho ấn ngọc thống lãnh Phật giáo các nước, sau Sư lại xin về Tây. Năm Giáp Tuất, Sư ba mươi sáu tuổi, bấy giờ là năm Chí Nguyên thứ mười một, hoàng thượng sai sứ triệu Sư đến giữ Sư ở kinh cả năm. Vương Công, Tể Tướng, quan dân đồng loạt rời thành lập đàn hương lớn mở hội cúng to, dùng hương hoa tràng phan, bảo cái, lễ nhạc xếp hàng nghênh đón Sư. Những đường xá mà Sư đi qua, họ đều kết dây Ngũ sắc treo đầy hai bên đường, dân chúng chiêm ngưỡng lễ lạy y như Phật xuất thế. Lúc ấy lại có Thiên binh bay ngang qua Trường giang nổi thành một dải, dù chủ thánh tôi hiền chiêm cảm nhưng cũng nhờ uy lực của Sư ngầm trợ giúp. Sư giảng thuyết Khí Thế Giới v.v... trong Chương Sở Tri Luận cho Chân Kim Hoàng Thái tử nghe. Sau đó Sư ra sức xin về Tây. Hoàng thượng cố ép không được. Năm Canh Thìn, Sư bốn mươi hai tuổi, bấy giờ là ngày hai mươi hai tháng mười một năm Chí Nguyên thứ mười bảy. Sư thị tịch, Hoàng thượng nghe tin vô cùng thương tiếc. Nhớ ân đức xưa, vua liền cho xây tháp lớn tại kinh thành an trí chân thân xá-lợi.

11. Thánh chỉ cho Tăng Đạo biện luận:

Ngày hai mươi tháng mười năm Chí Nguyên thứ mười tám có chiếu cho Tăng và Đạo biện luận. Thánh chỉ của Trường Sinh Thiên Khí Lực Lý Đại Phước Âm Hộ Trợ Lý Hoàng Đế cho các quan như Trung thư tể tướng, Ngự sử đài tỳ lệ, Tuyên úy ty, Án sát ty, Đạt lỗ hoa xích quản dân quan, Quản quân trạm nhân tượng... cùng các vị Tiên sinh ai nấy đều tới trước nhận thánh chỉ của Mông Kha Hoàng Đế. Năm Mậu Ngọ, Đạo sĩ, Hòa thượng phải phân tích lý giải Phật pháp. Đạo sĩ thua và có mười bảy giáo đầu Đạo sĩ thế phát làm Hòa thượng, phải đem Hóa Hồ Kinh cùng những khắc bản khác do Đạo sĩ ngụy tạo đốt hết. Văn bia trong các Quán Viện ở các lộ và tám mươi một Hóa đồ được khắc bản ấy cũng bị đốt. Ngày nay còn lại Đạo gì Đô Công Đức Sư Ty phải bấm tấu. Đạo Sĩ các lộ đem giấu những ấn bản kinh văn lẽ ra phải bị đốt, gồm có các nơi như Bảo định, Chân định, Thái nguyên, Bình dương, Hà trung phủ, Tam tổ Sư Am, Đầu quan tây...

vẫn còn những bản Đạo Tạng kinh, những giáo đầu giám sát việc này gồm Trương Bình Chương, Trương Tả Thừa Tiêu, Thượng Thư Tuyên Tổng thống, Hốt Đô Vu Tư, những học sĩ ở Hàn lâm viện Trung Thư Tỉnh, Khách Tỉnh, Sử Đô Lô Tỉnh, Tuyên Sử Thiêm Tốc; những trưởng lão giảng chủ như: Đinh Uyên Tăng Lục, Chân Tạng Tăng Phán; những tiên sinh Đạo sĩ như: Trương Thiên Sư Kỳ Chân Nhân, Lý Chân Nhân, Đỗ Chân Nhân, các đạo sĩ này cùng hội họp ở Trường Xuân Cung để phân định chọn lựa. Nay Trương Bình Chương... cùng bẩm báo, nhà của những đạo sĩ này có cất kinh, trừ Đạo Đức Kinh là Chân thật kinh do Lão Tử viết, còn lại đều do người đời sau ngụy tạo. Trong ấy phần nhiều thóa mạ Phật giáo, ăn cắp lời Phật, lại thêm vào những sách như âm dương, y dược, chữ tử rồi thay tên đổi họ truyện chú sai lầm đánh mất sự thật, ngụy tạo đặt bừa ra phù chú cho người ta đeo để kinh doanh vụ lợi. Còn nữa những chuyện như vợ chồng hòa hợp như uyên ương, con cháu nối dòng hay tuyệt tự, nam thọ nữ trinh, đối gặt muôn dân đều phải một kế, đó chẳng qua là ham hố tài lợi, dụ dỗ nữ nhân. Trong ấy lại dạy người ta đừng nhìn ngọc bội phù chú ở cánh tay, nam có tướng làm vua, nữ có mạng làm hậu phi, vào nước không chìm, vào lửa không cháy, đao kiếm không thể làm thương tổn. Đến khi sai Trương Thiên Sư Kỳ Chân nhân, Lý Chân nhân, Đỗ Chân nhân thử vào trong lửa thì họ đều khóc xin tha mạng, tự nhận là ngụy tạo không dám thí nghiệm. Nay ngoại trừ Đạo Đức Kinh của Lão Tử ra, các lộ nếu có những thứ kinh văn ấn bản do Đạo giáo ngụy tạo hoang đường đều phải đốt hết. Hơn nữa, theo Kỳ Chân Nhân, Lý Chân Nhân, Đỗ Chân Nhân bẩm báo, xét trong Đạo tạng kinh, ngoại trừ Đạo Đức Kinh của Lão Tử ra, còn lại đều là chữ nghĩa không thật do người đời sau nặn bóp ra, họ tình nguyện đốt hết, ta đây cũng không ngần ngại chuẩn tấu. Từ nay về sau, Đạo sĩ phải dựa vào Đạo Đức Kinh do Lão Tử viết ra mà tu hành, nếu người nào thích kinh Phật thì cho làm Hòa thượng, còn như không thích làm tăng thì cưới vợ làm dân. Trừ Đạo Đức Kinh ra những kinh văn và ấn bản hoang đường ngụy tạo trong Đạo Tạng Kinh đều phải đốt hết. Nay sai Thích giáo Tuyên Tổng Thống Trung Thư Tỉnh Khách Tỉnh Sử Đô Lô ở các lộ đi trước, ngày nào Thánh chỉ tới, bất kể là quan gì, đạo sĩ, đạo cô, tú tài, quân dân, thợ thuyền nào cũng phải gom hết tất cả kinh văn của Đạo gia tại nơi mình ở, Đạp Lô Hoa Xích Quán Dân Quan phải gắng sức tận tâm gom nhặt cho kỳ hết, giao cho Sai nha kiểm tra rồi cùng các quan đem ra thiêu hủy, tám mươi một Hóa đồ được vẽ viết và thờ trong Quán viện cũng phải đem đốt hết, rồi tuyên dụ dân

chúng rằng, nếu kẻ nào còn giấu những lời hoang đường bịa đặt, những bài văn hủy báng Phật giáo, ăn cắp lời Phật, mưu toan vụ lợi, dụ dỗ nữ nhân, những thứ chữ nghĩa dối gạt trăm họ bằng bùa bằng chú và những bản kinh nhỏ của Đạo gia, nếu quan lại sở tại không hết sức truy tìm, thì tội đồng với kẻ cất giấu. Những sách như Y dược, chư tử ở nhân gian đều có bản riêng nên không nằm trong lệnh cấm này. Khâm thủ! Ngày hai mươi tháng mười hai năm Chí Nguyên thứ mười tám.

Nhâm Ngọ: Chí Nguyên thứ mười chín, tháng tám vua ban cái chết cho Văn Thiên Tường, lúc này ông ta đã bốn mươi bảy tuổi. Ngày sáu tháng giêng năm Giáp Thân, đại xá thiên hạ.

Ất Dậu: Chí Nguyên thứ hai mươi hai, tháng mười hai, An Đồng Thừa Tướng được phục chức.

12. Văn bia nói về việc đốt Đạo Tạng Kinh ở Châu huyện:

Vua hạ Thánh chỉ đốt Đạo Tạng kinh nguy tạo ở các lộ. Hàn Lâm Viện Đường Phương, Dương Văn Hữu, Vương Cấu, Triệu Dư, Lý Khiêm, Diêm Phục, Lý Chú, Lý Giám, Vương Bàn phụng chiếu soạn. Chánh Phụng Đại Phu Khu Mật Phó Sứ Trương Đĩnh, phụng chiếu viết. Quang Lộc Đại Phu Trung Thư Tả Thừa Tướng giám tu Quốc sử Gia Luật chú phụng chiếu đóng dấu ấn triện.

Ngày ba tháng ba năm Chí Nguyên thứ hai mươi mốt, vua hạ chiếu sai Tư Đức Đại Phu Tổng Chế Viện Sứ Kiêm Lĩnh Công Đức Sứ Tư Sứ Trương Ca Dụ Hàn Lâm Viện. Năm Mậu Ngọ, Tăng Đạo biện luận, đến ngày hai mươi tháng mười năm Chí Nguyên thứ mười tám, đốt xong Đạo Tạng Kinh nguy tạo. Việc này đáng ghi vào bia. Bọn thần là Giám... kính cẩn dựa vào sự tích mà Thích Tổng Thống Hợp Thai Tát Ly biên soạn, trong ấy ghi: Xưa, thời Hiến Tông Hoàng Đế, Đạo gia cho lưu hành một cuốn sách đó là Lão Quân Hóa Hồ Thành Phật Kinh và tám mươi mốt Hóa đồ, rồi cho in ấn truyền bá. Sách ấy lời lẽ bỉ lậu, vọng ngôn, nội dung khinh miệt Phật giáo, đề cao tôn giáo mình. Đại sư Lan Ma người Kế Tân nhóm họp các Trưởng lão Thiếu lâm tại cung Phước Dụ, đem việc này bẩm báo lên vua. Lúc này Hoàng thượng chưa lên ngôi, Hiến Tông hạ chiếu chỉ cho Tăng, Đạo hai nhà cùng đến trước vua để luận biện. Hai bên giao ước, Đạo thắng thì Tăng phải đội mũ của họ mà làm Đạo sĩ, Tăng thắng thì Đạo sĩ phải cạo đầu làm Tăng.

Tăng hỏi Đạo: Sách của ông nói về việc Hóa Hồ thành Phật, vậy nghĩa là gì?

Đạo đáp: Phật là Giác (biết): tức là biết trời, biết đất, biết âm, biết

dương, biết nhân, biết nghĩa.

Tăng nói: Rõ ràng không đúng. Giác ở đây là Tự giác, Giác tha, Giác hạnh viên mãn. Ba tánh giác ấy viên minh, nên gọi là Phật đà, lẽ nào chỉ có biết trời đất, âm dương, nhân nghĩa thôi sao!

Lúc đó Hoàng thượng nói riêng với Thị thần: Ta cũng đã biết Nhân Nghĩa là lời của Khổng Tử, bảo Phật biết Nhân biết Nghĩa quả thật sai lầm.

Đạo sĩ lại dâng lên rất nhiều sách như Sử Ký v.v... muốn đưa ra nhiều thuyết may ra thắng cuộc. Đế Sư Đạt Phát Hợp Sư Bát hỏi: Đó là sách gì?

Đạo đáp: Sách của Đế Vương đời trước.

Vua hỏi: Hôm nay biện luận về giáo pháp, ông lôi những thứ ấy ra để làm gì?

Đế Sư hỏi luôn: Thiên Trúc ta cũng có sách này, ông nghe đến chưa?

Đạo đáp: Chưa.

Đế Sư nói: Nay ta đọc cho ông nghe bài kệ ngợi khen Phật của Quốc vương Tần-bà-la. Kệ rằng:

*Trên trời dưới đất chẳng bằng Phật
Thế giới mười phương cũng không bằng
Ta thấy tất cả thế gian này
Hết thấy không ai được như Phật.*

Lúc nói lời này, Lão Tử đang ở đâu?

Đạo sĩ không đáp được. Đế Sư hỏi tiếp:

- Sử ký của ông có thuyết Hóa Hồ không?

Đạo Sĩ đáp:

- Không.

- Lão Tử truyền kinh gì?

- Đạo Đức Kinh.

- Còn kinh gì nữa không?

- Không.

- Trong Đạo Đức Kinh có nói về Hóa Hồ không?

- Không.

- Trong Sử ký không có, trong Đạo Đức Kinh cũng không rõ ràng là bịa đặt.

Đạo sĩ thua cuộc, Thượng Thư Diêu Khu nói: Đạo sĩ thua, Hoàng thượng nên xử phạt y như giao ước.

Vua sai cận thần Thoát Hoan dẫn Đạo sĩ Phàn Chí Ứng... cả thầy

mười bảy người đến chùa Long Quang cạo đầu làm Tăng, đốt bốn mươi lăm bộ kinh ngụy tạo, hai trăm ba mươi bảy ngôi tự viện mà bọn Đạo sĩ chiếm lấy, bây giờ phải hoàn trả hết lại. Đề Điểm vốn là Kiệt Tường Viện là một trong những nơi mà Đạo sĩ Cam Chí Tuyền chiếm lấy, họ lấy luôn không trả. Tháng tư mùa Hạ năm Chí Nguyên thứ mười bảy, chúng tăng lại tố cáo rằng bọn Đạo sĩ ở Trường Xuân Cung mưu hại Tăng Lục Quảng Uyên, chúng tụ tập đồ đảng cầm gậy đuổi đánh Tăng chúng, phóng hỏa đốt nhà kho rồi vu cáo cho Quảng Uyên sai Tăng chúng đốt, lại còn nói phao lên rằng Tăng chúng đã đốt hơn ba ngàn chín trăm thạch lúa, cùng những vật dụng khác. Việc này giao cho Trung Thư Tỉnh phân giải thật hư, Cam Chí Tuyền, Vương Chí Chân kêu oan. Vua hạ chiếu sai Khu Mật Phó Sứ Bột la cùng các đại thần phúc án, nhưng vẫn không có manh mối nào khác, Chí Tuyền, Chí Chân bị giết, mười người khác bị xẻo tai cắt mũi rồi đày đi, rồi điều tra số thóc, những lời vu khống mà họ đổ cho Tăng chúng. Còn như Kinh do Đạo gia ngụy tạo vẫn còn, có người bẩm báo lên Hoàng thái tử. Tháng chín năm thứ mười tám Đô Công Đức Sứ ty Thoát Nhân Tiểu Diễn Xích tâu: Những bản kinh, Hóa đồ ngụy tạo của Đạo gia mà năm ngoái có lệnh đốt, phần nhiều vẫn còn bị giấu chừa đốt. Các kinh sách của Đạo giáo đều có nội dung phỉ báng Phật giáo, ăn cắp lời Phật, cần phải làm rõ. Lúc bấy giờ Hoàng thượng sai Khu Mật Phó Sứ và Tiền trung Thư Tả Thừa Văn Khiêm, Bí thư giám Hữu Trực, Thích Giáo Tổng Thống Hợp Đài Tát Ly, Thái Thường Khanh Hốt Đô Vu Tư, Trung Thư Tỉnh Khánh Tỉnh Sứ Đô Lỗ, Tăng Lục ở kinh đô, chư Tăng của Thiên giáo và chúng thần tập trung tại Vô Cực điện trong Trường Xuân Cung, cùng Chánh Nhất Thiên Sư Trương Tông Diễn, Toàn Chân Chưởng Giáo Kỳ Chí Thành, Đại Đạo Chưởng Giáo Lý Đức Hòa, Đỗ Phước Xuân, cùng chư đạo lưu, khảo chứng hư thật, đối chiếu cả mười ngày, dù đến cả ngàn cuốn nhưng đều xem xét tường tận. Trừ hai thiên Đạo Đức Kinh do Lão Tử soạn, những sách còn lại đều do bọn Trương Đạo Lăng đời Hán, Khấu Khiêm Chi đời Hậu Ngụy; Ngô Quân, Đỗ Quang Đình đời Đường, Vương Khâm Nhược đời Tống soạn ra rồi giảng thuyết. Nội dung bịa đặt hư dối, không có căn cứ, thoá mạ Phật giáo, tự đề cao mình, lại lấy những lời Phật cho là lời mình nói ra. Mượn âm dương thuật số để mở đạo, cậy Chư Tử Y dược để khoa trương, thường là thay tên đổi hiệu, chú thích sai lầm, làm mất sự thật. Lại làm ra bùa chú bắt người khác đeo để kinh doanh vụ lợi. Lại những chuyện như con cháu nối dòng, vợ chồng hòa hợp như uyên ương, dùng những việc ấy kích động thói dâm

loạn, nhận của đút lót. Đến như dạy người đừng nhìn bùa chú ở cánh tay thì nam có tướng làm vua, nữ có mạng phi hậu, xuống nước không chìm, vào lửa không cháy, đao kiếm chẳng làm tổn thương... sách ấy tạp nạp bậy bạ đến thế, lại còn truyền cho đồ đệ để đối gạt ngu dân. Trừ Đạo Đức Kinh ra, đều phải đốt sạch. Bọn thần cùng kính tấu.

Hoàng thượng nói: Kinh văn của Đạo gia truyền bá bậy bạ đã lâu lắm rồi, nếu đem đốt ngay thì bọn ấy chưa hẳn tâm phục. Họ nói xuống nước không chìm, vào lửa không cháy, nay hãy đem điều này ra thí nghiệm, đợi đến khi không hiệu nghiệm đốt đi cũng chưa muộn.

Thế rồi vua sai Khu Mật Phó Sứ Bột La, Thủ Ty Đồ Hòa Lễ, Hoắc Tôn... nói với bọn Trường Tông Diễn, Kỳ Chí Thành, Lý Đức Hòa, Đỗ Phước Xuân, mỗi người hãy chọn ra một người đeo bùa chú rồi xuống nước vào lửa để thí nghiệm pháp thuật. Bốn người họ tâu: Đó đều là những lời bịa đặt, bọn thần vào lửa ắt cháy ra tro, thật không dám thử. Chỉ xin đốt hết Đạo tạng kinh, mong tha chết chúng thần.

Hoàng thượng chuẩn tấu, hạ chiếu kinh sách của Đạo gia trong thiên hạ chỉ giữ lại hai thiên Đạo Đức Kinh, những thứ chữ nghĩa còn lại và tám mươi một Hóa đồ đều phải đốt hết, ai cất giấu sẽ trị tội. Những sách Chư Tử, Y dược đang lưu hành không nằm trong lệnh cấm. Từ nay về sau, Đạo gia chỉ được lưu hành và tu theo kinh của Lão Tử. Nếu ai mếm mộ Phật pháp thì cho cạo đầu làm Tăng, ai không thích thì cho về làm dân thường.

Tháng mười, vua nhóm họp bá quan tại chùa Mẫn Trung, đốt các kinh sách ngụy tạo của Đạo giáo, sai sứ đến các lộ bảo quan lại thi hành mệnh lệnh. Bọn thần là Bàn được nghe: Lão Tử thực thi đạo, lấy thanh tịnh làm tông, lấy vô vi làm gốc, lấy khiêm cung để sửa mình, lấy nhún nhường để tiếp người, không hề có việc tham lam hiếu thắng. Ngọn ngành phân phái sau này lạm dụng bịa đặt, khuếch đại khoa trương thành trăm đối trá. Thanh tịnh một khi thay đổi thì thành ô uế, vô vi một khi biến chất thì thành đủ điều. Như Văn Thành, Ngũ Lợi đời Hán cố sức cầu Tiên, đối gạt đặt điều như nói đem sách quý cho trâu ăn thì sẽ được vàng ròng. Một khi bại lộ, liền bị Vũ Đế giết. Đồ đảng của Tam Trương (ba gã họ Trương) dùng ma đạo mê hoặc mọi người, làm loạn thiên hạ, bị Hoàng Phủ Tung, Tào Ngụy tiêu diệt. Vương Phù đời Tống lúc ở cung Thượng Thanh Bảo Lục gian dâm với nữ đạo sĩ, Lâm Linh Tố tự xưng là Thần Tiêu Tử Phủ Tiên Khanh, cầu nước lũ không được, đều bị Huy Tông giết, chạy trốn rồi chết. Đến cuối đời Kim lại có Ma Bị tiên sinh, Thiết Lập Lý dùng gian mưu hiểm kế ra vào nhà giàu,

làm việc dâm ô, đều bị giết chết. Từ xưa đến nay, những hạng người ấy, không sao kể xiết. Truy tìm nguồn gốc của họa loạn, đầu mối của trộm cướp đều là bọn mượn bùa chú để làm kỳ lạ giáo mình, cây kinh giả để làm sừng sốt thế tục, phóng túng điều ngoa, nguy tạo bên ngoài để thoả mạ Thánh giáo, ăn cắp nội điển, vốn đã trái với giới cấm không tranh giành, không trộm cướp của Lão Tử, đến khi bị gia hình thì oan nghiệt ấy do chính họ tự chuốc lấy, đã vậy mà còn đổ tội cho ai! Vả lại, giáo pháp nhà Phật rộng sâu thù thắng, giáo pháp khác không thể nào mò tới được, cả trăm ngàn đời nay, Thánh đế minh quân thấy đều tôn sùng. Đông đến Phù Tang, Tây tới Muội Cốc, tận chân trời góc biển núi sông đại địa, côn trùng cỏ cây, thái noãn thấp hóa, hữu tình vô tình trăm ngàn vạn loại nảy nở sống chết trong trời đất này đều nhờ sự chở che của Phật. Bởi vậy trên trời dưới đất chỉ có Phật là bậc chí tôn, vượt khỏi tất cả hữu hình, đạt đến cảnh giới vô ngại, trí trùm ba cõi, thần tỏa muôn phương, ơn khắp cả đại thiên, công tràn cả vũ trụ. Đức Phật lớn lao, đại lược như vậy. Thuyền từ hễ đến, gặp nạn cứu ngay, mưa pháp đổ xuống muôn vật thấm nhuần. Phật xót thương chúng sinh trầm luân trong biển khổ, lặn hụp trong bến mê, trôi lăn nhiều đời, luân hồi muôn kiếp, nên muốn chúng sinh bỏ Phàm về Thánh, rũ tẻ sùng chân, bởi thế Thần quang phá cửa mờ tối, Chánh giác chỉ lối vô sinh, Đức Phật nhân từ đại lược như vậy, chứ làm gì có mưu cuồng, làm gì có đồ kỵ, dù có phá hủy đến tận xương, nhưng nguồn sáng vẫn chảy tràn, bản thể viên thành mà không hề có lỗi nhỏ. Thí như người mù hủy hoại mặt trời mặt trăng, thì nào có thương tổn gì đến nguồn sáng của nó. Con ếch ngồi đáy giếng chê biển sông là nhỏ, nhưng nào có tổn hại gì đến cái mệnh môn của biển sông! Như vậy đủ thấy, họ chẳng biết lượng sức!

Thánh thiên tử biết vượt Tứ đế, mến mộ Tam thừa, tham chân không vô hình, truyền tâm ấn pháp vương. Bởi vậy lễ rất tôn kính, quy hướng chân thành, sửa trăm nguy về theo chân, dạy quần tà về nẻo chánh, thế mà không khoan dung, nghiêm khắc ư! Huống gì bút mực khuyến gian tà, yêu thuật làm loạn thế, tha thì nương tay kẻ cuồng, khuyến khích thì phóng túng bọn ngu, nếu không làm cuộc thay đổi lớn thì tà thuyết lộng hành, ma đạo dối người, nếu vậy thì đời sau họa loạn đến mức nào! Huống gì lý trong thiên hạ có thiện có ác, có chánh có tà, có chân có nguy, thường hỗn tạp mà tồn tại, tạp nhập mà lưu hành. Nếu không nhờ tư chất của bậc Thánh quân, tâm tánh của bậc thượng trí, tuệ vượt phàm tình, chiếu soi vạn loại, thì hồng tía lẫn lộn màu đỏ, tạp nhập trở thành thanh cao, như vậy ai còn phân biệt được! Từ đó mà

xét, Thánh thiên tử khuông phò chánh giáo, trung hưng đại pháp, công lớn biết dường nào! So với chư Thánh chẳng gì hơn nữa! Nhờ đó mở mang tai mắt cho hàm linh, dọn sạch gai góc cho chánh lộ, khiến ánh sáng Bát-nhã mãi chiếu soi vô lượng kiếp, tràn ngập hằng sa thế giới, làm cho thọ mạng của Thánh đế vô biên, phước lợi của minh quân vô lượng, vận nước lâu bền đến vạn ức năm sau. Công lao như vậy đâu thể nói hết!

Bọn thần là Bàn... cung kính ghi lại, truyền đến đời sau, để cho những người muốn học đạo Lão Tử cần phải dè chừng.

Bài tựa trong Đại Nguyên Chí Nguyên Biện Ngụy Lục Tùy Hàm. Hàn Lâm Trực Học sĩ Phụng Huấn Đại Phu Tri Chế Cáo Đồng Tu Quốc sử Trương Bá Thuần soạn. Trời không che riêng, đất không chở riêng, mặt trời mặt trăng không soi riêng, đó cũng là nguyên nhân để viết Biện Ngụy Lục. Thánh triều vận lớn, nối trời lập nước, bàn đạo trị dân, lấy tâm Phật dưỡng dục muôn phương, đem chánh pháp chở che bốn biển. Mạnh Xuân năm Tân Mão niên hiệu Chí Nguyên, Đại Vân Phong Trưởng Lão Mạo Kiệt Tường kính vâng mệnh lệnh của Hoàng đế soạn thuật Chí Nguyên Biện Ngụy Lục, trình lên Hoàng thượng phê chuẩn lưu hành, nhập tạng lưu thông, đó là nguyên do.

Trong năm Ất Mão, bọn Đạo sĩ Khâu Xử Cơ, Lý Chí Thường phá hủy miếu của Phu Tử ở Thiên Thành, Tây Kinh làm Văn Thành quán, đập phá tượng Thích-ca bằng bạch ngọc, bảo tháp xá-lợi Quan Âm, âm mưu chiếm bốn trăm tám mươi hai ngôi tự viện, Vương Phù ngụy tạo tám mươi một Hóa đồ của Lão Tử, mê hoặc quần thần. Bấy giờ Thiếu Lâm Dự Trưởng Lão thống lĩnh chư Tăng đến cửa cung, trần tấu rằng: Tiên triều Mông Kha Hoàng Đế có khẩu dụ cho Tăng, Đạo lên điện làm rõ Hóa Hồ Kinh là thật hay giả, Thánh thượng lâm triều chứng kiến. Bọn Lý Chí Thường nói năng lệch lạc, nghĩa lý sai lầm. Các quan phụng chỉ đốt kinh ngụy tạo, buộc mười bảy Đạo sĩ bỏ Đạo làm tăng, hoàn trả ba mươi bảy ngôi tự viện, ngoài việc chiếm chùa ra, chúng còn làm rất nhiều việc tệ hại.

Mùa thu năm Đinh Ty, Thiếu Lâm kiện tấu tiếp, lại được phụng chiếu đốt Đạo kinh lần nữa, và hoàn trả hai trăm ba mươi bảy ngôi chùa cho Tăng chúng. Từ năm Ất Mão đến năm Tân Dậu cả thảy chín năm, bọn đạo sĩ trốn thoát vẫn không chừa thói dối trá, chúng vẫn làm mưa làm gió ở những nơi chúng trốn làm kinh hãi cả Thánh thượng. Bởi vậy, mùa đông năm Chí Nguyên thứ mười tám, quan lại kính vâng khẩu dụ của vua ban hành khắp thiên hạ, trừ Đạo Đức Kinh ra, tất cả những

thứ kinh văn hoang đường của Đạo giáo đều phải đốt sạch. Đạo sĩ nào thích kinh Phật thì cho làm tăng, kẻ nào không thích thì cho lấy vợ về làm dân thường. Lúc này, Giang Nam Thích Giáo Đô Tổng Thống Vĩnh Phước Dương Đại sư Liên Chân Giai hoằng hóa Phật pháp rất thịnh. Từ mùa xuân năm Chí Nguyên thứ hai mươi hai, đến mùa xuân năm thứ hai mươi bốn, chỉ trong ba năm mà đã khôi phục hơn ba mươi ngôi tự viện. Như: Tứ Thánh quán vốn là Cô Sơn tự. Bọn đạo sĩ như Hồ Đê Diễm... cải tà quy chánh, bỏ Đạo làm Tăng đến bảy tám trăm người, họ đều treo áo mũ trên xà nhà ở Thượng Vĩnh Phước để sư điện. Bởi vậy kinh sách ở núi Nam Nhạc nhiều đến như vậy, nhưng gặp phải việc ngụy tạo này, có lần phải đem ra khảo chứng lại hết.

Từ khi Phật giáo từ phía Tây truyền sang, Hán Minh Đế cung nghinh hai ngài Ma-đăng và Trúc Pháp Lan ở Lạc Dương, bọn Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc như Chử Thiện Tín liền dâng biểu hủy báng Phật pháp. Lúc ấy vua cho đắp đàn rồi đem kinh của hai bên ra đốt. Kinh của Đạo giáo đều cháy thành tro, kinh của Phật giáo phát sáng, chẳng hề hư hoại. Tôn giả phi thân lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa. Loài cáo đầu thể sánh với sư tử, ngọn đèn đầu thể sánh với mặt trời mặt trăng! Đạo sĩ bỏ đạo làm Tăng không sao đếm hết. Như: Khấu Khiêm Chi đối gạt, Thôi Hạo mê hoặc Ngụy Thái Võ nhưng rồi Hạo chết, cả tộc bị tru di. Đàm Mô Tối khuất phục Khương Bân, Bân bị đày đến Mã Ấp. Tề Đàm Hiển làm Lục Tu Tĩnh phải xấu hổ. Đời Đường niên hiệu Tổng Chương năm đầu, Pháp Minh vạch rõ Hóa Hồ Kinh là ngụy tạo. Vua ra lệnh truy xét gom thu hết Hóa Hồ Kinh trong thiên hạ đem ra đốt. Từ xưa đến nay, biết bao đời Đế vương đều có pháp lệnh, như vậy dám bảo là qua loa ư? Đức Thế Tôn xem chúng sinh trong ba cõi như con một, quay lưng với bậc Đại giác là con quay lưng với cha mình. Con quay lưng với cha là tự mình mê mờ với tánh sáng. Bậc thầy như Lão Tử, trong hai thiên Đạo Đức Kinh, ông ấy lấy cái thanh nhàn đạm bạc, tuyệt giao với đời, bỏ luôn ngôi Thánh làm tông, ẩn cư để thực hiện chí khí của mình, lặng lẽ vô vi. Nay học trò ông ấy mượn danh thầy mình kết bè kết đảng, mặc áo đội mũ, dựng cao cung quán để cầu lợi dưỡng, lẽ nào đó là dụng tâm của Lão Tử? Huống gì Lão Tử từng nói: “Nói giỏi phải tỏ ra mình áp úng, quá khéo hãy tỏ ra mình vụng về. Đã nói thì chẳng tốt, hễ tốt thì chẳng cần nói, chớ kiêu căng, chớ sát phạt, bao quát cao Nhất làm mô phạm cho Thiên hạ”. Nhưng chiếm lấy tự viện, ăn cắp kinh điển rồi ngụy tạo thành Hóa Hồ là tỏ ra vụng về, áp úng, là giỏi chẳng cần nói đó sao? Tôn Lão Tử làm thầy mà lại trái với lời dạy, đó cũng chính là

trái với lý tưởng mình tôn sùng. Nếu là người thật tâm thờ Lão Tử làm thầy thì không bao giờ làm như vậy, mà lợi ngược dòng tìm ra nguồn cội. Mặc dù Kỳ Lân ở chung với muôn thú, Phượng Hoàng trà trộn với chim muông, Lan Tuệ chen trong cỏ Huân cỏ Du, Chiên-đàn trộn lẫn với bunn hôi, nhưng trên đời chưa từng có người bỏ điềm may phượng hoàng kỳ lân, hương thơm của lan tuệ, chiên đàn, nhận lấy thú thường muôn thú chim muông, cái hôi hám của huân, du, đất thối. Lòng người lý trời yêu ghét như nhau, thế tại sao chưa rõ vàng thau thế nào, lại cam tâm làm những chuyện đối trá không thật như vậy? Lại còn uốn nắn từ chương, khinh khi Đại Giác, phỉ báng bậc Chí Tôn, không sợ trầm luân trong Tam đồ.

Biện Ngụy Lục này là giáo pháp chánh danh, nghĩa lý sâu xa, vấn nạn rõ ràng, lẫy lừng như chống sức mạnh lên trời xanh, bằng phẳng như đi trên đường chánh của Vương đạo, ngăn ngừa để đời sau không còn kẻ chết chìm trong nước cuốn, đó là mục đích tối thượng của bộ sách này.

Bởi có giả nên cần phải biện, không có ngụy thì chẳng biện làm gì, không phải là khéo biện đó ư! Mở rộng bốn biện tài vô ngại, là ân đức của Mạ Trưởng lão. Người nói không có tội, người nghe đủ để răn, bởi vậy Hoàng thượng ta có lời vàng dặn dò: Như năm ngón đều từ bàn tay mọc ra, cửa Phật là bàn tay, giáo khác đều là ngón. Lời của nhà vua như tờ, ảnh hưởng ra như sợi lớn, sáng hơn mặt trời mặt trăng, vững hơn cả vàng đá, là gương sáng cho muôn đời, như vậy bộ Lục này lẽ đâu vô bổ!

13. Bài tựa trong Biện Ngụy Lục:

Từng nghe, Ngũ vận chưa hình thành thì không có tên gọi cho người vật, Tam tài lập rồi mới bắt đầu có tôn ti, mới phân ra Hục hào mới họa thành Bát quái. Trong ấy lại có thư, Khế nhất định lại huấn chương, có chân chim, mai rùa, sợi vàng, chữ ngọc. Trăm nhà đều khác vết, muôn quyển chẳng đồng nhau. Dù lý xét đến tinh vi, lời sâu đến cốt lõi, bao tình quát quát, chưa ra khỏi nước nhà, gom đầu kết cuối đầu chỉ ở trong nước thôi. Huống gì Pháp thân vô tướng cao siêu hơn cả tượng đế, chân đế tuyệt vượt cả nghĩ bàn, anh tài xuất chúng đời đầu mấy người.

Trưởng lão Như Ý, họ Diên, người đất Thái Nguyên, gia thế nhiều đời làm quan, nhiều lần thay nhà đổi quận, nhân đó mới định cư. Năm chín tuổi, Sư thế phát theo thầy cầu học. Ngọc ra khỏi rừng gai, giá trị

của nó càng vượt trội, quế sinh nơi hang sâu, mùi hương theo gió càng lan xa. Sư bên trong thì thấu tỏ uyên áo của Ba tạng, bên ngoài thì thông đạt ngọn nguồn của Cửu Lưu, nổi tiếng khắp Trung Hoa, thanh danh vang khắp chốn. Vận dụng biện tài bẩm sinh, thi thiết tài năng tuyệt thế, lời văn tao nhã như gấm nhung, khẩu khí bừng bừng như sóng dậy. Châu ngọc của Ban, Mã chưa hảnh sánh ngang; văn chương của Cố, Lục chưa chắc đuổi kịp. Đến như sở học của Trang Sinh, Mặc Sinh, sử sách của Hoàng Lão, Lý Lão; những áng văn như Tam Thanh Báng Đạo, những bộ Lục như Thập Dị Cửu Mê, những bí thuật như Hồn Nguyên Ẩn Nguyệt, những lễ nghi như Linh Bảo Xích Thư, Sư đều nắm lòng, rõ như trong lòng bàn tay. Thêm vào đó, Sư tham năm pháp thiền, đọc khắp các thư tịch, đã có kỳ tài lại giỏi về viết lách, ngoài phương diện vận dụng tư duy, lại càng hấp dẫn vô cùng. Thu phục quần tà thì công lớn như Khổng Thạch, nâng đỡ Lý ngay thì đức tự Tiễn Thi, bởi vậy tài năng hơn cả An, Viễn; Sở học vượt hẳn Sinh, Dung. Thật là rồng kình trong biển giác, rường cột của Phật môn. Còn bọn Toàn Chân Đạo Sĩ như Khâu Xử Cơ, Lý Chí Thường, Sử Chí Kính, Lệnh Hồ Chương... sở học cạn cợt, hiểu biết qua loa, dùng lời thô bỉ bài xích chánh pháp, trải chiếu đánh trống hồng sánh ngang với sấm sét, khiến cho hạng trung căn hạ căn đều sinh tà kiến. Phụng mệnh lên ngôi, thánh minh Hoàng đế phát tâm đại bi, thương bọn điếc đui rơi vào đường hiểm, nên ra sắc lệnh viết bộ sách này, nhằm vẫy tung biển pháp đập từ chương kia. Bích Kê kia đã giỏi lại đuổi mau, Hoàng Mã kia đã hay lại thắng thế, như lửa lò lớn đốt chảy cả vây cánh, sức nóng mặt trời làm tan chảy giá băng, ai thắng ai thua ngay đây thấy rõ, tạm nương sức từ, phá vỡ ma quân.

Ngày hai mươi tháng mười năm Chí Nguyên mười tám lại vâng phụng Thánh chỉ của Tiên đế đốt hết những bản kinh ngụy tạo trong thiên hạ, từ đó mặt trời Phật pháp lại được sáng soi ở Bích hán, vầng mây chánh pháp lại trùm khắp Diêm Phù. Những văn thơ chú giải mà Đại sư Như Ý trứ tác dưới đây, trong đó Tứ Kinh Tự, Hàn Văn Biệt Truyện, Tánh Hải Phú... đã lưu hành trong đời. Bộ luận này gồm năm quyển hơn hai trăm tờ, xét tận ngọn nguồn của Thích, Lão; phân rõ hơn kém của chánh tà, người xướng thì cao, người họa thì thấp, quả thật hổ thẹn vô cùng! Tôi vẫn từ quê mùa, sở học không thấu, xem lời vàng ngọc của luận này, kính sợ che chở lớn lao của nhà vua, chẳng ngại vụng tay viết lời dẫn nhập, là mong dây leo cậy nhờ ngọc khuê ngọc chương, ngõ hầu những thức giả cao minh tận tường chỉ dạy.

Trụ Trì Đại Vân Phong, Tập Tổ Sa-môn Tuyết Khê Dã Lão Quý

Kiết Tường.

14. Mười bốn chương trong Ngụy Biện Lục: (1 → 8)

Đại Đô Đạo Giả trụ trì Vân Phong Thiên Tự hiệu Như Ý Tường Mai Trưởng lão phụng chiếu soạn Biện Ngụy Lục năm quyển. Trong ấy đại lược nói:

Ngụy thư nhất: Đối lập ra Thiên Tôn: Ngụy đặt ra rằng, đạo là cha mẹ của vạn hóa, là cực tôn của tự nhiên, ở trong cái u huyền vi diệu này mà sinh cái rỗng rang. Rỗng rang là Chân Nhất, khí của Chân Nhất sau khi hóa sinh trải qua chín mươi chín vạn ức chín mươi chín vạn năm rồi hóa sinh ra Thượng Tam Khí. Tam khí này cách nhau chín mươi chín vạn ức chín mươi chín vạn năm. Tam khí này kết thành đức, cùng sinh ra vô thượng, đó là Hư Hoàng Thiên Tôn. Lại trải qua ngàn ấy năm, sinh ra Trung Tam Khí, nó kết thành đức rồi sinh ra Huyền Lão, tức Nguyên Thỉ Thiên Tôn. Lại trải qua ngàn ấy năm nữa, sinh ra Hạ Tam Khí, kết hợp thành đức sinh ra Thái Thượng, tức Thái Thượng Đạo Quân. Từ đó về sau một khí lại sinh ra Tam Khí, mỗi khí cách nhau tám mươi một vạn ức tám mươi một vạn năm, nó kết hợp thành đức, sinh ra Lý Lão Quân. Dù bốn thánh lần lượt ra đời nhưng ai nấy không giống nên gọi là Độc Hóa. Sau khi sinh ra Lão Quân mới sinh ra Ngũ Vận, tức Thái Dịch, Thái Sơ, Thái Thỉ, Thái Tố, Thái Cực. Lão Quân là tổ của hỗn độn, là cha mẹ của trời đất, bởi vậy hay phân chia trong đục, khai mở đất trời.

Biện rằng: Từng nghe, văn của Long Đồ Điều Triện, điển của Quy Thư Khoa Đầu, ký của Ngọc Bản Ngọc Diệp, thư của Kim Đằng Kim Quỹ, chương của Tần Hán Ngụy Tấn, giản của Tống Tê Lương Trần rồi những ký sự, ký sử, trực bút, trực ngôn đều không thấy tên của Hư Hoàng, không nghe đến hiệu của Nguyên Thỉ, lẽ đâu lại có chuyện tay cầm ngọc khuê, thân mặc áo vàng, trán xoa tóc trắng, đầu đội kim quan, biệt hiệu Thiên Tôn, đứng đầu cả Tam Thanh, độc xưng là giáo chủ, ngự trị trong cung Cửu Hoa? Giả sử có cái tên Thiên Tôn cũng đều là ăn cắp lời Phật. Xưa nay người ta tôn xưng Phật là bậc Thiên Tôn, chẳng dính dấp gì đến việc của Đạo Quân. Trộm danh xưng đẹp của người khác rồi tự cho mình tôn nghiêm để lấy lòng tin của bao người thì đối trá hết chỗ nói. Xét trong Liệt Tử và Dịch Câu Lệnh Quyết, đều ghi: Trước khi trời đất chưa sinh, có Thái Dịch, Thái Sơ, Thái Thỉ, Thái Tố và Thái Cực. Các học thuyết đều nói: Thái Dịch: Chưa hiện khí, Thái Sơ: Bắt đầu hiện khí, Thái Thỉ: Bắt đầu hiện hình, Thái Tố: Bắt đầu hiện chất, Thái Cực: Hình và chất có đủ nhưng còn lẫn lộn chưa

phân. Sai Thái Cực mới sinh ra Lưỡng Nghi, gọi đó là trời và đất. Phàm tên gọi do sự thật sinh, sự thật nhờ tên gọi mà khởi, tên gọi và sự thật có rồi thì đạo đó mới lưu hành. Trước Thái Dịch vốn bằng phẳng rộng rang, mênh mênh mang mang, vốn không âm thanh hình tướng, cứ sao lại dựng càn chín khí, sinh bậy ra bốn người, trên cái không thật sinh ra cái không thật, chẳng khác nào gõ vào hư không để tìm tiếng, trong cái giả tạo nổi lên cái giả tạo chẳng khác đuổi bóng mà tìm dấu chân, lẽ nào không nghĩ tới? Đã đặt ra tên thì phải có thân, đã dựng ra thân thì phải có họ. Thử hỏi, Hư Hoàng, Nguyên Thủy do ai sinh ra? Vốn mang họ gì? Cư trú tại đâu? Nếu có gốc gác thì được ghi trong sách nào? Nếu không gốc gác tức là bịa đặt. Lại, trước cái rộng rang, vốn không có năm tháng, nay dựng lên ngần ấy năm đủ thấy lại càng giả dối. Bởi vì số mục có từ đời Phục Hy, năm tháng có từ Hoàng Đế, lấy cái bây giờ đặt ra để cho xưa kia thì thật là điên đảo quá lắm! Vả lại Tam Tôn kia là hữu hình hay vô hình? Nếu hữu hình thì không nằm trong Thái Dịch, như vậy phải do cha mẹ sinh, phải có năm tháng ngày giờ, nơi sinh tên họ. Đoạn trước nói: Tam khí kết thành đức rồi sinh, như vậy khí sinh ra khí, không khác với khí, tại sao lại có hình hài, tên gọi? Nếu là vô hình thì không có tên họ, địa vị. Đến lần hóa sinh thứ bảy thì nói: Ngày hai tháng chín niên hiệu Thượng Hoàng năm đầu, Lão Quân xuất du ở Tây hà, gặp được Nguyên Thủy Thiên Tôn ngồi trên xe ngọc tám cảnh, cỡi con rồng đen chín màu, bầy tiên tùy tùng, tay cầm phan hoa, Sư tử Hạc trắng ca hát râm rang, cùng hội họp ở Tây Hà. Thiên Tôn trao cho Lão Quân Đông Huyền Ngọc Phù. Người đó là ai? Tìm tới tìm lui đều không nguồn gốc. Như vậy đủ biết dối trá khôn cùng, hữu danh vô thực, đục băng xói tuyết, uống phí từ chương, núi sông chẳng dung, đất bằng chẳng nhận, bợn ngu mê khéo che đậy, thật đâu đáng tin! Lão Quân là Trụ Sứ của Suy Chu, khoác lác cho mình là Tổ tông của hỗn độn, tránh loạn nhà Chu chạy qua Hàm Quan rồi nói dối mình là cha mẹ của trời đất. Lời mình thốt ra hoàn toàn mâu thuẫn, như tên và bao tên chống nhau, bịt tai nghe trộm tiếng linh, muốn giấu lại càng lộ. Chương Đạo Đức ghi: Ta có ba cái đáng quý, do quý nên giữ nó. Một là nhân từ, hai là cần kiệm, ba là không dám làm gương cho thiên hạ. Lão Quân dâng vợ con cho Hồ Vương rồi cùng Hồ binh đánh nhau, có gì là nhân từ? Ngồi trên xe ngọc, ở trong cửa vàng, mặc áo Ly La chín màu, được che bởi cái lọng có hạc nằm, chín đạo hào quang có gì là cần kiệm? Sinh chẳng có nguyên nhân, khởi từ lúc vô thủy, ở trước muôn đạo, làm tổ của nguyên khí, biết khi hỗn độn chưa chia, thấy khi chưa phân trong đục,

làm thầy Đế vương làm mẹ trời đất, có gì là “không dám làm gương cho thiên hạ” đâu?

Liêu Dương Cao Hiến, tự là Trọng Thường vào Bạch hạc quán ở Đông kinh, nhìn thấy tượng Tam Thanh rồi chỉ tượng bên phải hỏi người giữ Đạo quán:

- Đây là tượng gì?

Đáp:

- Tượng Lão Quân.

- Người đời nào?

- Đời Chu Định Vương.

Hiến chỉ tượng bên trái rồi hỏi:

- Đây là tượng gì?

Đáp:

- Tượng Đạo Quân.

- Người đời nào?

Người giữ quán mặt mờ chẳng biết đáp. Hiến chỉ tượng ở giữa nói: “Nguyên Thủy Thiên Tôn này ắt thừa rồi!”. Người ta nghe được truyền cho nhau, thành ra chuyện cười.

Ngụy thứ hai: Sáng lập kiếp vận niên hiệu sai lầm.

Trong hóa thứ ba này ghi: Bắt đầu là khí của Thái Hư, khí này chống đối nhau, qua lại loạn xạ. Qua trăm ức vạn khí như vậy, sau đó khí này chậm dần, nó lưu hành qua lại, đó là khí tự nhiên. Đây dụ cho Phong Luân chuyển vận khi thế giới vừa mới hình thành mà kinh Phật nói đến. Khí này có có tên là Di La Vạn Phạn. Lại trải qua chín vạn chín ngàn chín trăm chín mươi chín ức (99.999) khí như vậy, sau đó nó kết hợp với khí kết tường hình thành một Thánh nhân, có tên là Nguyên Thủy Thiên Vương, đồng thời sinh ra Ngũ Lão làm chủ Ngũ Hành. Kiếp này tên là Diên Khang, niên hiệu là Long Hán. Lại trải qua ngàn ấy khí nữa mới sinh ra Đạo Quân, lúc này kiếp tên là Xích Minh, niên hiệu cũng là Xích Minh, đồng thời sinh ra Cửu Lão, chia thành Cửu Thiên. Lại trải qua ngàn ấy khí nữa, mới sinh ra Lão Quân, kiếp này tên là Thanh Vận, niên hiệu là Thượng Hoàng. Lúc này sinh ra Bát Công, sau lập thành Ngũ Vận là Thái Dịch, Thái Sơ... Lão Quân lấy hai khí âm dương kết hợp lại thành hỗn độn, rồi phân chia thành trời đất, vạn vật bắt đầu hình thành.

Biện rằng: Từng nghe Chí của Ban Cố Luật Lịch, Thư của Sử Ký Thiên Quan, Đế niên của Hoàng Phủ Mật, Đế Kỷ của Đào Ẩn Cư, chứ chưa nghe nói trước Ngũ Vận đã có niên hiệu. Trong Tam khí giả

lập tên kiếp. Đã nói trong đực chưa phân hình thì lúc đó chỉ là một khí lẫn lộn, chứ làm gì có Lão Quân, Nguyên Thủy, Ngũ Lão, Cửu Thiên? Dù ăn cấp danh từ “kiếp” của nhà Phật nhưng lại không hiểu vận số thành hoại. Kiếp tiếng Phạm là Kiếp-ba, Hán dịch là Thời Phần. Thời tuy có dài ngắn, nhưng đều là tên của kiếp. Nhầm lẫn tiếng Phạm, mê lầm thể tướng, khi Phật giáo chưa đến thì chữ kiếp chỉ có nghĩa là giết, giết giặc. Bởi vậy trong Thuyết Văn, Hữu Thận ghi rằng: “Cầm binh khí đâm người thì gọi là kiếp”. Lại ghi: “Tướng Lỗ là Tào Mạt uy hiệp Hoàn Công trên đàn rồi yêu cầu chiếm đất”. Như vậy, bức đoạt người ta thì gọi là kiếp, chứ làm gì có nói là kiếp vận! Dẫn chứng như vậy đủ thấy họ ăn cấp từ chương. Hễ đã có tên có địa vị, thì tất có niên hiệu, nhờ đó mà thống trị muôn phương, chinh đốn bốn biển, hòa đồng chín châu, quy về một lối. Thiên tử chí tôn mở ra niên hiệu, nếu không có tên họ địa vị thì không dám lập. Khổng Tử dù San Thư định Lễ, lập ra vua tôi, nhưng do không có địa vị tôn quý nên chỉ được gọi là Tố Vương. Đến như Lão Đàm là quan lại của nhà Chu, ở vào hàng bề tôi, nhưng lại đi ăn cấp hiệu Đế vương, dựng càn lên niên hiệu sao! Huống gì trước thời Hiên Hoàng vốn không có niên hiệu (bề tôi Hoàng đế là Đại Nhiêu bắt đầu lập ra Giáp Tý), thời Hán Vũ mới lập ra niên hiệu (Vũ Đế mới bắt đầu lập niên hiệu), lấy xưa nêu xưa quả là nguy rồi! Có người hỏi: Lão tử sinh trước trời đất lập riêng niên hiệu, có gì sai trái? Đáp rằng: Đã ở trên trời đất, tức là trước Thái Dịch, thế giới chưa hình thành, vua tôi chưa có mặt, vẫn mịt mờ vắng lặng, chỉ một khối hỗn mang lập ra niên hiệu để thống lãnh ai? Đó đủ biết, họ lấy cấp từ ý: “Phật Trang Nghiêm, Hiền kiếp tinh tú”. Rồi lập thành nào là Diên Khang, Xích Minh, Thanh Vận. Bên kia nói rõ ba đời, bốn này gom thành một lúc, chẳng khác hơn rợ Khương trên núi ăn cấp áo mào nhà vua, mê hoặc mọi người, lẫn lộn tôn ti. Đoạn sau lại nói Lão Tử tự là Quang Minh, sinh ở Thiên cương, Lý cốc, vậy phải sau Tam Hoàng, thì sao Lão Tử lấy hai khí âm dương kết thành hỗn độn rồi chia thành trời đất được? Đầu đuôi trái ngược đủ thấy quá bậy bạ!

Ngụy thứ ba: Mở chia ba cõi.

Hóa thứ năm này ghi: Khi trời đất hình thành, Thái Thượng Lão Quân là tổ tông của hỗn độn, là cha mẹ của trời đất, nên hay phân bố đực trong, mở mang trời đất, vận huyền Nguyên Thủy ba khí mà thành trời. Thượng là Tam Thanh Tam Cảnh, tức Thủy khí làm Ngọc Thanh Cảnh, Nguyên khí làm Thượng Thanh Cảnh, Huyền khí làm Thái Thanh Cảnh. Lại nữa khí của Tam Thanh mỗi khí lại sinh ra Tam khí, hợp

thành Cửu khí làm thành Cửu thiên.

1. Uất đan thiên.
2. Thượng thần thọ vô lượng thọ thiên.
3. Phạm la tu diên thiên.
4. Tịch nhiên đầu thuật thiên.
5. Ba la ni mật bất kiêu lạc thiên.
6. Đồng huyền hóa ứng thanh thiên.
7. Linh hóa phạm phụ thiên.
8. Cao hư thanh minh thiên.
9. Vô tướng vô ái thiên.

Chín cõi trời này, mỗi cõi sinh Tam khí, mỗi khí hình thành một cõi trời, cả thảy là hai mươi bảy cõi trời, cộng với chín cõi này thành ba mươi sáu cõi, vậy Tam giới, Tứ dân, Thượng Cực Tam Thanh đó là số lượng. Sáu Thiên dưới cùng là Dục giới:

1. Thái hoàng thiên
2. Thái minh thiên.
3. Thanh minh thiên.
4. Huyền thai thiên.
5. Huyền minh thiên.
6. Thất diệu thiên.

Mười tám cõi trời kế tiếp là Sắc giới:

1. Hư vô thiên.
2. Thái cực thiên.
3. Xích minh thiên.
4. Vinh hoa thiên.
5. Diệu lãng thiên.
6. Hoàng già thiên.
7. Linh minh thiên.
8. Đoan tĩnh thiên.
9. Quang minh thiên.
10. Cực dao thiên.
11. Nguyên tái thiên.
12. Thái an thiên.
13. Cực phong thiên.
14. Thỉ hoàng thiên.
15. Thái hoàng thiên.
16. Vô tư thiên.
17. Nguyễn lạc thiên.

18. Đàm thệ thiên.

Bốn cõi kế nữa là Vô sắc giới:

1. Tiêu khánh thiên.
2. Nguyên đồng thiên.
3. Diệu thành thiên.
4. Cấm thượng thiên.

Hai mươi tám cõi này gọi là Tam giới, trên lại có bốn cõi trời gọi là Chủng nhân thiên:

1. Thường dung thiên.
2. Ngọc long thiên.
3. Phạm độ thiên.
4. Giá dịch thiên.

Bốn cõi trời này vượt khỏi Tam giới. Lại nữa, ba cõi trời trên là Tam thanh cảnh:

1. Thái xích thiên.
2. Trùng dư thiên.
3. Thanh vi thiên.

Trên cùng gọi là Đại la thiên, nó bao quát hết cõi trời, cao nhất không còn cõi nào trên nó, Huyền Đô Ngọc Kinh trấn giữ chỗ này, là nơi Tam Tôn ở. Lại nữa trong Thái Tiêu Ân Thư ghi: Đại Đạo Quân trị vì năm mươi lăm năm ở trên núi Ngọc kinh, trong cõi trời Trùng vô cực đại la, có thất bảo huyền đài, có rừng vàng ghế ngọc, có kim đồng ngọc nữ hầu hạ, ở tại cõi trời Tam thập tam bên ngoài Tam giới.

Biện rằng: Rõ ràng như Thư của Xà Khu (Phục Hy), Ngư Thủ (Viêm Đế), Điển của Long Sư (Thái), Phượng Kỷ (Thiếu Hạo); Cáo của Đàm Thiên (Trâu Điển), Luận Thiên (Hoàng Liễu); Đồ của Quát Địa (Địa Chí), Dư Địa (Địa Đồ), Tinh kinh của họ Cam, Linh Hiến của Trương Hoàn đều không nói đến hiệu của Tam Thanh, lại càng không nghe đến tên của Đại La. Đó đều là dựa vào Kinh Phật sửa đầu thay đuôi, lợm danh tướng người ta đặt để gán ghép vào sách mình. Hơn nữa, ngọn ngành của Đạo giáo có từ thời Hoàng Đế, rồi Lão Tử, Quyên Tử, Liệt Tử, Trang Chu, quan võ quan văn phân thành Đạo giáo. Nhưng các ông ấy không hề nói đến việc của trời, chỉ có trong Linh Bảo Kinh do Trương Đạo Lăng viết mới nói đến ba mươi hai cõi trời, bắt chước thần chú của Phật rồi làm ra Mật ngôn, từ đó về sau sách của Đạo giáo cùng nhau nói đến. Thân rồng bò lan chỉ lừa dối kẻ ngu. Khi Phật giáo chưa đến tại sao không nói? Kinh Phật lưu hành mới bắt đầu đề xướng từ này. Làm rõ ra, thì Tu Tĩnh thêm thất, Tam Trương xiển hóa bừa,

trộm đầu trộm đuôi có gì đáng tin!

Nhĩ Nhã lập ra Tứ hiệu để quy ước Tứ thời. Thái Huyền nói đến Cửu Thiên để làm phép tắc cho Cửu Hữu, không giống như Đạo gia thêm cần số mục. Trời vốn là thể cố định làm gì có ít nhiều? Nay mỗi thuyết lại không giống chứng tỏ là bịa đặt. Xét trong kinh Phật, Tam giới là do ba nghiệp chiêu cảm, tổng cộng có hai mươi tám cõi trời. Dục giới có sáu cõi, Sắc giới mười tám cõi, Vô sắc giới bốn cõi. Do có đủ món dục thù thắng vi diệu nên gọi là Dục giới. Do hình sắc thù thắng nên gọi là Sắc giới. Do căn thức không còn nên gọi là Vô Sắc giới. Vượt khỏi ba cõi này thì gọi là ra khỏi sinh tử, xả thân phần đoạn trong hậu thân, dứt tuyệt hình hài tên gọi, không còn nơi gá nương, lẽ đâu lại có Cảnh Huyền Đô, núi Ngọc kinh, rồi có kim đồng ngọc nữ muôn thứ hỗn tạp thế ư? Lại còn đem xe vàng trướng ngọc để trang sức, đủ thấy bịa đặt không đúng sự thật. Thử hỏi, tam giới của Đạo sĩ từ đâu mà có? Do công gì cảm nên? Giải thích tên gọi, biện về hình tướng toàn không biết được. Hơn nữa cái rốt ráo của Đạo là lên trời. Bảo Linh u huyền cũng chỉ là hóa thành chim muông, khó thoát tứ tướng, đâu ra Ngũ Suy, theo sóng nghiệp mà trầm luân, tùy sinh tử mà lưu chuyển, phóng túng nghiệp thức mang mang, tích chứa nguồn khổ bát ngát, đi mãi không về, thật đáng ngậm ngùi, Uất-đầu-lam-phát là một minh chứng.

Ngụy thứ tư: Đời nào cũng làm thầy Đế Vương.

Hóa mười một này ghi: Lão Quân là người trong thời của Phục Hy, hiệu là Uất Hoa Tử, nói Nguyên Dương Kinh, dạy Phục Hy lập Nhân Luân, họa Bát Quái. Trong thời Chúc Dung, ông có hiệu là Quảng Thọ Tử, nói Ân Ma Thông Tinh Kinh, dạy người ta mài cây lấy lửa, đúc đồ làm vật dụng. Trong thời Thần Nông ông có hiệu là Đại Thành Tử, nói Thái Ất Huyền Tinh Kinh, dạy người ta trồng ngũ cốc, hái trộn các loài thuốc. Trong thời Hoàng Đế ông có hiệu là Quảng Thành Tử, dạy người ta cái đạo giữ thân an tĩnh. Trong đời Thiệu Hạo, ông có hiệu là Tùy Ứng Tử, nói Tại Kính Kinh, lấy chánh đạo làm lý, chia ra cửu hộ để thống lãnh trăm quan. Trong thời Chuyên Húc, ông có hiệu là Xích Tinh Tử, nói những lời mâu nhiệm. Trong thời Đế Cốc ông có hiệu là Lục Đồ Tử, nói Hoàng Đình Kinh. Trong thời Đế Nghiêu, ông có hiệu là Vụ Thành Tử, nói Tuyên Hóa Kinh. Trong thời Đế Thuấn, ông có hiệu là Doãn Thọ Tử, nói Thông Huyền Kinh gồm bảy mươi quyển, Đạo Đức Kinh tám ngàn hai trăm quyển. Trong thời Hạ Vũ, ông có hiệu là Chân Hành Tử, nói Nguyên Thủ Kinh sáu mươi quyển. Trong đời Ân Thương ông có hiệu là Tích Tắc Tử, nói Trường Sinh Kinh hai mươi quyển.

Trong thời Chu Văn Vương ông có hiệu là Tiếp Ấp Tử, nói Xích Tinh Kinh, dạy đạo nhân nghĩa, hiếu kính. Còn nói các vua thời thượng cổ đều thọ học với Lão Tử, về sau lại tạo tác ra muôn vật.

Biện rằng: Phàm Hiếu và Thánh danh vị không đồng, người xưa người nay xuất xứ khác hẳn. Trang Chu nói: Sau vạn năm gặp một Đại Thánh vẫn như sáng tối được gặp, đủ thấy Thánh nhân ra đời ứng hợp điềm lành, đúng với ngàn năm, hợp vận đúng thời, siêu xuất tiêu biểu, vượt xa người thường. Bởi vậy nên được Đế vương tôn làm thầy, Chư hầu đều kính lễ. Vạn năm gặp được một lần vẫn tưởng như sớm tối, lẽ đâu đời nào cũng xuất hiện?

Lý Nhĩ là kẻ sĩ lui về ở ẩn, Sử ký gọi là Quân Tử ở ẩn. Ông chạy loạn qua cửa ải, mất ở Hòe Lý, an táng ở Trạ hạ. Ông vốn là bề tôi, địa vị không hơn nhà vua, thanh danh không hơn Tể tướng, làm sao lên được địa vị Thánh nhân làm thầy Đế vương? Bịa đặt không đúng lẽ dối mọi người. Đống đất nhỏ mà muốn cao bằng núi Tung núi Hoa, ai chịu phục? Vũng nước nhỏ mà muốn bằng biển cả thì quả thật khó tin! Lẽ đâu sau khi mở mang trong vòng hơn vạn ức năm ấy, chẳng có người nào giúp đời mà chỉ có một mình Lão Tử làm thầy Đế vương thôi sao? Tam Phần, Ngũ Điển, Bát Sách, Cửu Khâu, Xuân Thu của Khổng Tử, Quốc Ngữ của Khâu Minh, Dịch Thuyết của Bách Gia, Tạp Đàm của Cửu Lưu không hề nói đến Lão Tử làm thầy. Đó chỉ là bọn Đạo Sĩ vô tri đời sau này bịa đặt mà thôi, họ muốn Lão Tử cao nhất trong muôn Thánh. Cái đẹp thì vẫn đẹp, đối trá vẫn là đối trá. Hơn nữa, Phục Hy, Thần Nông đều có Thánh đức; Hiên Hoàng Nghiêu Thuấn đều được tôn xưng là minh quân. Có người từ nhỏ đã biết nói, có người sinh ra là biết diệu đạo, lẽ nào phải nhờ Lão Tử dạy cho, rồi sau mới tạo ra muôn vật? Huống gì Thư Truyện đã ghi, Cổ Thư đã nói rõ: Toại Nhân mài lửa, Phục Hy họa Bát Quái, Viêm Đế gieo trồng, Nữ Oa chế ra rui kèo, Hoàng Đế làm ra cung thất, Hiên Mạo chế ra Hàm Trì, Chuyên Húc đặt ra Lục Anh, vua Nghiêu có Đại Chương, vua Thuấn có Đại Thiệu, rồi chế ra cờ vây, vua Vũ có Đại Hạ, vua Thang có Đại Hoán, Văn Vương có Tích Ung, Vũ Vương có Hạ Vũ, Ông Cổn làm ra thành quách, Xi Vũu chế ra binh khí, Kỳ Bá chế ra y thuật, kinh mạch, Linh Luân làm ra Luật, Lê Thủ làm ra Toán, Dung Thành làm ra Lịch, Đại Nhiêu lập ra Giáp Tý, Hề Trọng làm ra xe, Tao Hồ làm ra y, Bá Dư chế ra xiêm, U Tắc làm ra giày, Cung Cổ làm ghe thuyền, Cự Huy chế ra cung, Di Mâu làm ra tên, Hoàng Ung Phụ làm ra chày cối, Mạnh Trang Tử làm ra cửa, Triệu Vũ Linh Vương làm ra giày ủng, Tô Uy Công làm ra sáo, Bạo Tân làm

ra Huân, cháu của Hậu Tắc là Thúc Quân làm ra cày, Mông Điềm chế ra bút, Sái Luân làm ra giấy, Hạ Côn Ngô thị làm ra ngói. Những thứ đó đều có chủ cả, các sách đều nói rõ, tại sao tự phụ xem đó là vật do mình làm ra? Lại nữa, Chu Dịch, Hệ Từ do Khổng Tử thuật nói về việc chế tạo của Đế Vương xưa kia. Như nói: Bao Hy thị làm vua thiên hạ, xem hiện tượng trên trời, xét muôn người dưới đất, gần thì giữ mình, xa thì giữ vật, bắt đầu họa Bát Quái để thông đức của thần minh, để thấu tình của vạn vật, làm ra thắt gút, chế ra lưới màn để bắt cá ngoài khơi. Thần Nông thị làm ra cày bừa để làm lợi ích thiên hạ, ban ngày họp chợ để trao đổi vật dụng. Đến như Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn chế ra xiêm y mà thiên hạ thịnh trị, vì muốn giữ lấy càn khôn. Nêu ra ngàn ấy tạo vật, chủ nhân mà không hề nói Lão Tử làm ra. Trộm công người khác làm tài của mình, hư danh tự cao, quân tử cũng không nỡ.

Lại nói, vào thời vua Nghiêu, Lão Tử là Vụ Thành Tử. Xét trong Hậu Hán Ứng Thiệu Phong Tục Thông ghi: Đông Phương Sóc là Thái Bạch Tinh Tinh. Trong thời Hoàng Đế ông là Phong Hậu, trong thời vua Nghiêu, ông là Vụ Thành Tử. Trong thời nhà Chu, ông là Lão Đàm, trong thời Việt, ông là Phạm Lãi, ở Tề ông là Si Tử. Như vậy rõ ràng Vụ Thành Tử chính là Đông Phương Sóc chứ chẳng liên can gì đến Lão Tử cả, tại sao thêm thất ngụy tạo tôn Lão Tử là thầy loài người? Xét Lỗ Ai Công hỏi Tử Hạ: Ngũ Đế, Tam Hoàng đều có thầy không? Tử Hạ đáp: Có, thần nghe, Hoàng Đế học với Thái Chân, Chuyên Húc học với Lục Đồ, Đế Cốc học với Xích Tùng Tử, vua Nghiêu học với Doãn Thọ, vua Thuấn học với Vụ Thành Phụ, vua Vũ học với Tây Vương Quốc, vua Thang học với Uy Tử Bá, Văn Vương học với Giáo Thời Tử Tư, Vũ Vương học với Quách Chánh, Chu Công học với Thái Công Lã Vọng. Những người vừa nêu, có ghi rất rõ. Còn như nói Lão Tử đời nào cũng làm thầy Đế vương, thì thật là điên cuồng dối trá quá lắm! Xảo ngôn đến thế là cùng! Vả lại, Lão Tử làm quan dưới thời Suy Chu, sử sách ghi rất rõ. Vốn là bề tôi lại làm thầy của Đế vương thời thượng cổ, mặc áo đội mũ sao lại điên cuồng đến thế?

Đoạn trước nói: Các vua thời thượng cổ đều thọ học với Lão Tử. Như vậy Kiệt Trụ bất nhân, U Lệ vô đạo, Tần Vương hung bạo, Vương Mãng oán nghịch, cũng do Lão Tử dạy, nếu vậy thì Lão Tử là đầu đảng của bọn phản nghịch, thầy của bọn phản loạn. Bất trung bất hiếu là do Lão Tử gây ra, bất nhân bất nghĩa là do Lão Tử cầm đầu, như vậy làm thầy người khác, không thấy xấu hổ ư! Lại nói, Lão Tử đời nào cũng làm thầy, nhưng từ Tần Hán đến nhà Kim sao chẳng một lần có

mặt? Nay đã không thì xưa là dối, hơn nữa Hán Văn Đế khiêm cung cần kiệm, Hiếu Vũ Đế là bậc anh minh, Hiếu Minh Đế thấu cái tình của Lễ Nhạc, Hiếu Chương Đế hơn cả cái đạo nho nhã, Ngụy Văn Đế phong lưu khoáng đạt, Tấn Thế Tổ thấu đạt nghĩa nhân, Tống Văn Đế trị yên thiên hạ, Lương Võ Đế văn võ song toàn, Tùy Cao Tổ dung hòa bốn biển, Đường Thái Tông thống nhất sử sách, lúc này chẳng đợi Lão Tử giáo hóa như đều là tiếng vàng thanh ngọc. Đủ thấy Đạo sĩ thật khéo vẽ vời, uổng phí từ chương, chỉ có thể dối gạt kẻ quê mùa, chứ đối với kẻ sĩ thông đạt khó ai tin theo. Mô Mầu bồi phẫn càng khiến người ta chê cười, Lân Nữ bắt chước càng làm người ta coi rẻ.

Ngụy thứ năm: Lão Tử lập ra Linh Bảo Tam Đổng.

Hóa chín này ghi: Ngày một tháng ba năm Trung Hoàng nguyên niên, Thái Thượng Lão Quân ngự tạo Ngọc Thanh Thiên, Kim Khuyết Thượng Cung soạn tập Linh Thiên, đó là Bảo Kinh ba trăm quyển, Phù Đồ bảy ngàn chương, Ngọc Quyết chín ngàn thiên. Trong thời Thượng Tam Hoàng, Lão Quân ra đời làm Vạn Thiên Pháp sư, còn có hiệu là Huyền Trung Pháp sư, trong năm Long Hán nguyên niên ông trao cho Thượng Tam Hoàng bộ Đổng Chân Kinh mười hai bộ, đem đạo Vô Cực dạy nhân gian, lúc này con người thọ chín vạn tuổi. Trong thời Trung Tam Hoàng, ông có hiệu là Hữu Cổ Tiên Sinh, trong năm Xích Minh nguyên niên, ông trao cho Trung Tam Hoàng bộ Đổng Huyền Kinh mười hai bộ, đem cái đạo Vô thượng Chánh nhân giáo hóa nhân gian, lúc này con người thọ sáu vạn tuổi. Trong thời Hạ Tam Hoàng, ông ra đời làm thầy với hiệu là Kim Khuyết Đế Quân, năm Khai Hoàng nguyên niên, ông trao cho Hạ Tam Hoàng bộ Đổng Thần Kinh mười hai bộ, đem đạo Thái Bình giáo hóa nhân gian, lúc này con người thọ một vạn tám ngàn tuổi. Đổng Chân, Đổng Huyền, Đổng Thần mỗi loại mười hai bộ, tổng cộng là ba mươi sáu bộ Tôn Kinh.

Biện rằng: Phàm Trọng Ni nhập mộng, đạo Thập Dực mới bắt đầu tuyên dương; Bá Dương qua ải, giáo Nhị Thiên mới bắt đầu xiển hóa. Hữu danh là đầu mối của vạn vật, Vô danh là khởi nguyên của trời đất. Hỗn mang hay mà lại đồng huyền, phân chia vụng nhưng lại nhất trí. Cốc Thần chẳng chết, Cửu Thị Trường Sinh, chiết phục giải nguy, tự biết khiêm nhường, đó là ý chỉ của Lão thị, giáo điển còn lại đều là sách giả. Chế ngự kẻ ngu, chỉ chuộng khoa trương, cắt xén lời Phật thay tên đổi hình, bắt chước Tam Giới lập ra Tam Thanh, mô phỏng Tam Đại dựng lên Tam Đổng, uổng phí giấy mực, lờ loẹt ngôn từ, vì sao biết được? Vì đời Hán, Trương Đạo Lăng soạn Linh Bảo Kinh; Vương Ban

soạn ra Đồng Huyền Kinh. Đời Ngô, Cát Hiếu soạn ra Thượng Thanh Kinh. Đời Tấn, Vương Phù soạn Minh Uy Hóa Hồ Kinh; Bào Tĩnh soạn Tam Hoàng Kinh, sau đổi thành Tam Thanh Kinh. Đời Tề, Trần Hiến Minh soạn Lục Thập Tứ Chân Bộ Hư Kinh. Đời Lương, Đào Hoàng Cảnh soạn Thái Hư Kinh. Cuối đời Tùy, Phụ Tuệ Tường sửa Niết-bàn thành Trường an Kinh, về sau bị phát giác và Tường bị giết. Trong Hiếu Đạo Luận của ngài Chân Loan ghi: “Đạo gia chú thích bậy bạ ba trăm năm mươi quyển của Chư Tử làm thành Đạo kinh”. Như vậy rõ ràng, đời đời xuyên tạc, người người bịa đặt. Cắt xén lời Phật làm sách Đạo gia, có lúc nói Tiên trong động bay qua, có khi bảo Lão Tử tái hiện, muôn hiền chẳng thấy, chỉ Đạo sĩ biết, coi thường quân vương, chẳng sợ phép nước. Bởi vậy, Đường Lâm Pháp sư nói với Thái Tông Hoàng Đế: “Nếu căn cứ rạch ròi, bàn kỹ Đạo gia, thì chỉ có hai thiên Đạo Đức. Dem so với thời Hán Minh, chỉ hơn bảy trăm quyển, theo thuyết Thần Tiên của Cát Hồng thì chỉ có một ngàn, theo Tổng Mục do Tu Tĩnh dâng lên, thì nhiều hơn trước chín mươi quyển. Lại kiểm tra trong Huyền Đô Mục Lục, thì càng nhiều hơn, trước sau không đồng, rõ ràng người đời sau soạn càng chế bừa, thêm chương thêm quyển”. Dựa vào kinh Phật rồi thay đầu đổi đuôi. Có khi họ nói, nó từ trên núi xuất hiện, thế là liền hô hào có Tiên trong động bay đến, tại sao chỉ có bọn họ biết, còn bậc hiền tài không thấy, điển tịch không ghi, sử sách không chép, thử hỏi những bộ kinh mà Đạo sĩ đem ra sau này là do Lão Tử nói riêng cho họ nghe, hay là Thiên Tôn nói lại? Nếu là nói lại, thì phải có ngày giờ, thầy trò truyền trao. Nói vào năm nào? Tháng nào? Nơi nào? Thời nào? Nếu nói trên trời thì ai truyền xuống? Nếu nói ở Tây Vực thì ai dịch ra? Nếu đủ chứng cứ thì nên cho lưu hành, còn như bịa đặt thì phải đốt hết.

Lại nữa đời Hán đời Tấn, Tăng được gọi là Đạo sĩ. Khấu Khiêm đắc ý mạo nhận tên này, nay lại gọi là Pháp sư, thì thật điều ngoa hết mức! Danh từ Pháp sư vốn xuất phát từ kinh Phật, vạn quyển trăm nhà đều không có từ này. Hơn nữa ông thầy vì pháp thì gọi là Pháp sư. Pháp tức là Sư, nên gọi là Pháp sư. Chẳng biết danh nghĩa, vọng đặt cho mình. Xét từ Hiền kiếp đến nay, có ba vị Phật ra đời. Đức Phật đầu tiên ra đời, lúc ấy con người thọ sáu vạn tuổi. Lúc Đức Phật thứ hai ra đời con người thọ bốn vạn tuổi. Lúc Đức Phật thứ ba ra đời, con người thọ hai vạn tuổi, sao dám đổi thành Tam Hoàng, bịa ra số tuổi bằng y như vậy? Lại nữa, đoạn trước nói: Trong Thượng Tam Khí có niên hiệu Long Hán, Xích Minh. Lúc này Ngũ Vận còn không có, chỉ là Nhất Khí lẽ đâu lại có vua như Tam Hoàng, số mạng mà con người sống thọ? Đời

Thượng Cổ, giả sử có Ngũ Long, Tứ Tánh, Cửu Đầu, Thập Kỳ thì cũng không có niên hiệu do Tam Hoàng kiến lập. Thử hỏi: Long Hán, Xích Minh, Thượng Hoàng, Khai Hoàng là niên hiệu của vua nào? Nếu nói có thật, sao sử sách không ghi? Còn như không thật, thì đừng nên vọng lập. Xét cả hai thuyết đều không có chứng cứ. Lại nữa trước thời Phục Hy, văn tự chưa có, thì làm sao có được thiên Tam Đổng Linh Bảo? Lại nữa, mười hai bộ vốn bắt nguồn từ kinh Phật, giáo lý cả một thời đại được chia thành mười hai bộ. Bọn Đạo gia giả danh nghĩa còn chẳng biết sao dám tự cho là kinh sách của mình? Như mài ngọc đẹp đem làm ngói vỡ, dù có công lao nhưng bị kẻ trí chê cười!

Ngụy thứ sáu: Du hóa Cửu Thiên:

Hóa này ghi: Lúc này ở trong Thanh Dương đại hội, Lão Quân dẫn theo Doãn Hỷ Nhiễm. Nhiễm bay lên không, đến cõi trời thứ nhất gặp Ba Lợi Thiên đế, ngồi xe Cửu Quang Nguyên Linh, che bảo cái Thất Nguyên Giao Thần, dựng cờ Ngũ Sắc Nhiếp Ma, chín vạn Kim Đồng Ngọc Nữ nghênh đón Lão Quân vào Bát Đại Hữu Cung để hỏi về đạo tự nhiên. Các cõi trời như: Ma Di Thiên, Sở Bảo Thiên, Hóa Ứng Thiên, Bát Kiêu Lạc Thiên, Đâu Xuất Thiên, Phiền Diên Thiên, Thiên Thiện Thiên, Uất Đan Thiên, Tùy Xứ Thiên. Các vua này đều dẫn Kim Đồng Ngọc Nữ ra nghênh đón Lão Quân, hỏi pháp yếu. Đế quân đến thiên cung nào, nơi ấy đều bày soạn Quỳnh tương, Bích Lễ, Đan Dịch, Lưu Huân, Lan Tu, Bát Triệt, Linh Chi, Trân quả để dâng.

Biện rằng: Xưa, khi Thế Tôn ta mới thành Chánh giác, chẳng lìa đạo thọ mà đến các cõi trời. Một thân chẳng phân nhưng có mặt khắp cả. Tức nhiều mà một, tức một mà nhiều, giống như mặt trăng qua lại trên không, in bóng trong mọi dòng nước; cơn giận nổi lên, mọi lỗ chân lông đều dựng đứng, lớn nhỏ chu toàn, xa gần không cách, vô tâm bỗng ứng, đâu chỉ có Cửu Thiên. Bá Dương là quan của nhà Chu, Doãn Hỷ làm quan giữ ải Hàm Cốc, thân ở địa vị thấp, khó bằng bậc Thánh, muốn tỏ rõ cái đức của mình, nên khéo trộm cắp, quỷ thần không biết nhưng con người hay, không phải khéo tay, lìa dục mà có, an nhàn trong thiên định cảm được thần thông, Lão Tử đã không có công này làm sao bay được lên trời. Xưa Liệt Tử ở đất Trịnh quên cả vợ con, chẳng phân tai mắt, an nhàn dứt nơi nương gá, tâm thần vắng lặng quên thân, xương thịt đều tan, sau đó thân mình như lá úa theo gió bay đi, từ đông sang tây cả vạn dặm, chỉ giây lát đi khắp sau đó trở về. Nhưng Trang Chu chê rằng: Thế vẫn còn chậm. Còn như Lão Nhĩ, không dứt vợ con (Con Lão Tử tên là Tông, con của Tông tên là Chú, con của Chú tên là Quan,

thờ Ngụy Văn Hầu), chưa thoát hình hài, qua ải thì đi xe chở lương, nói kinh thì chỉ toàn bày cái khổ của thân, lẽ đâu bay được lên trời, vượt qua sương móc, cõi hạc đằng vân chẳng? Bất chước Mâu-ni rồi cho mình thù thắng. Hơn nữa, nhờ bố thí mà được đại phước, nhờ giữ giới mà được sinh thiên, ông ấy còn chưa hiểu căn nguyên làm sao nói pháp cho trời được! Dục giới có sáu cõi, bịa đặt thành chín trời. Thuần nam trong Sơ thiên thì bảo là Ngọc Nữ, bày cái giả trương cái ngụy, khéo nói dị đoan. Vả lại, sơ thiên trở lên lấy Thiền duyên làm thức ăn, định sinh hỷ lạc xoả niệm thanh tịnh, lẽ đâu lại dùng Quỳnh Tương, Bích Lẽ, Lan Tu, Bát Triệt chẳng? Cho rằng trên trời giống như trần gian còn thêm mùi thơm của rượu thịt, còn giành thức ăn ô uế của cá tôm, chẳng khác Si, Đam, ăn chuột bảo là giống Phượng Hoàng, nghe trộm không thật, bảo là mình nói, dựng muôn điều gở, nói toàn điều quái, có đáng tin không?

Ngụy thứ bảy: Ăn cắp kinh giáo của Phật.

Hóa ba mươi này ghi: Hồ Vương thấy ở Thái Thượng đồ chúng quá nhiều nghi là quỷ mị, liền chất củi đốt. Ngọn lửa xông thẳng lên trời, Lão Quân thân phóng quang minh, đứng trong ngọn lửa, nói Kim Quang Minh Kinh cho Vương nghe. Hồ Vương càng nổi giận, bắt ông bỏ vào lò lửa đốt ba ngày. Từ trong vạc nước sôi ấy, bỗng hiện ra hoa sen, Lão Quân ngồi trên hoa nói Kinh Niết-bàn. Lại còn nói, Lão Quân sai Doãn Hỷ làm Phật, làm thầy Hồ Vương để Hồ Vương sám hối tội ngũ nghịch, thập ác của ba nghiệp sáu căn, rồi ông giảng thuyết Ngũ Giới, Thập Thiện và Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

Biện rằng: Phạm Kỳ lân giao đầu thì mặt trời mặt trăng bị khuyết, cá Kinh cá Nhi chết thì sao chổi xuất hiện. Núi đồng lỗ thì hội thể ra đời, tro cây Gia mất thì ánh sáng mặt trăng mất. Bởi con đường cảm ứng giao nhau, tướng của cơ giáo khế hợp. Lòng người khát ngưỡng thì mưa pháp trào tuôn, dội tình trần kia, mở ngu muội nọ. Vì vậy Khổng Tử nói: Không phần hận thì không mở mang, không tầm tức thì không phát tiết. Đây muốn nói: Đợi hỏi rồi mới nói. Huống gì Thánh nhân lập giáo, quyền biến vô cùng, lẽ đâu làm người ta nổi giận tự đâm đầu xuống nước, đâm thân vào lửa? Hoàn toàn không chút thương tâm, gắng gượng nói với họ, đâu biết đi dối về thật đó ư! Đẻo gọt từ chương, uốn nắn tên kinh, đã nói ngồi trên lửa nói kinh Kim Quang Minh, ngồi trên hoa sen nói kinh Liên Hoa, vậy là Đạo Đức Kinh chắc là ngồi bên đường mà diễn thuyết, ba bộ Đông Huyền ất ngồi trong hang nước mà nói. Nếu không phải vậy thì giải thích thế nào? Hơn nữa kinh Kim Quang Minh

tánh tướng đều bày, kinh Pháp Hoa phá Quyền về Thật, kinh Niết-bàn nói Phật tánh thấu căn nguyên, nghe trộm nói càn, chỉ do miệng phạm tục thì có khó gì, không lừa nổi thượng trí, chỉ dối gạt bọn ngu mê. Lại nữa kinh ấy đã do Lão Tử nói thì Đạo sĩ phải dựa vào đó mà học, Phật đâu phải kết hợp khí làm Đạo chuyên tụng Linh Bảo, thử hỏi ba bộ kinh ấy nói về nghĩa gì? Đạo tạng đã chẳng cất chứa, Đạo sĩ lại chẳng hiểu nghĩa, ăn cắp lý mầu của bậc đại Thánh làm thành lễ hay của Lão Quân, chỉnh sửa cho hợp với Niết-bàn chẳng khác ăn trộm trâu, giống như người mù vào hầm hầm vàng, dù được của báu nhưng chẳng biết dùng vào việc gì. Lại còn nói: Sám hối ba nghiệp, ngày tháng ăn chay, nếu thế thì Đạo sĩ phải am hiểu, nay hỏi Sám hối là ngôn ngữ gì? Sám hối ấy là Sự sám hối hay Lý sám hối? Đứng về Công Đức Môn mà diệt tội hay nghịch sinh tử tâm mà diệt tội? Tâm năng sám có bao nhiêu loại? Tội sở sám đặt vào chỗ nào? hai chữ sám hối vẫn còn chưa biết, thì tam nghiệp, lục căn, ngũ nghịch, thập ác, phép tắc làm thiện, ngày tháng ăn chay, quyết không thể hiểu được. Nếu do Lão Tử nói thì Đạo Sĩ phải biết rõ, thế nhưng một chữ cũng không biết, đủ thấy họ ăn cắp lời Phật, vọng ngôn nói bừa, giống như kẻ cắp bị chủ phát giác, thế mà vẫn không thừa nhận, ra sức biện bạch, đến khi đốt kinh đốt sách mới đâm ra xấu hổ. Quân tử biết hối trước thì không đến nỗi này.

Ngụy thứ tám: Lão Quân kết khí thành chữ.

Hóa tám này ghi: Trong Thánh Ký Kinh chép: Trong năm Long Hán, Thái Thượng Lão Quân theo Nguyên Thủy Thiên Tôn ở nước Trung Ương Đại Phước Đường nói Linh Bảo Thập Bộ Diệu Kinh, nói pháp độ người. Lại ở trong nước Đông cực Đại Phù Lê nói pháp độ người, dùng Tử bút viết kinh tại rừng Không Thanh. Lại ở địa phận Nam Cực Thiên Ly dùng lửa luyện Chân Văn, bỗng phát sáng rồi hiện ra chữ. Lại ở trong thế giới Tây Cực Vệ La, nước Bắc Cực Uất Đan đều nói pháp độ người. Lão Quân dùng tinh khí của Ngũ Phương kết thành chữ báu, vuông vức một trượng, tám góc có đuôi, hình giống vệt mây, trạng như chim bay, dùng lập văn chương. Lại nói: Điển Tịch từ ta mà có, sử kinh từ ta mà ra.

Biện rằng: Chữ viết của Phu Tử vốn có từ thời thượng cổ. Phục Hy thị làm vua thiên hạ mới vẽ Bát quái, tạo ra Thư, Khế để thay thế nền chánh trị thất gút. Từ đó văn chương sử sách ra đời. Nhờ đó mà có văn chương của Thanh Khâu Tử Phủ, Tam Hoàng khắc thạch, có chữ viết của Lục Kiềm Hoàng Thăng, Lục Giáp Linh Phỉ. Về sau có Thương Hiệt dựa vào đó sáng chế thêm. Đại Triện có từ Sử Trụ, Tiểu Triện có

từ Lý Tư, Sái Ung sáng chế ra Phi Bạch, Trình Mạc thay đổi Lệ Thư. Bát Thể của Tần Thư, Lục hình của Hán tự, như nấu vàng đắp vàng, như bủa mây buông sương, Sái Diệp Long Trảo, Ngạn Thể Pha Thư đều theo xưa mà phát triển, theo thời mà cải chế, lẽ đâu mượn Chân khí kết thành? Do Lão Tử truyền lại? Chà đạp tài năng người khác, khoe khoang đức độ của mình, không thấy thẹn với người mắt sáng, không xấu hổ với kẻ thanh tao. Đoạn trên nói: Long Hán có từ khí ban đầu, lúc đó làm gì có Lão Tử? Lại Tử Bút Thư Lâm, rõ ràng sau thời Mông Điềm. Dẫn nay trích xưa khinh người hiền tu. Khổng An Quốc nói: Sách của Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế gọi là Tam Phần, nghĩa là Đại đạo. Sách của Thiệu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường Ngu gọi là Ngũ Điển, nghĩa là Thường Đạo. Kinh Dịch do Tam Thánh an định, kinh thi do quần hào nói ra, Xuân Thu do Khổng Tử chỉnh sửa, kinh Lễ do Chu Công soạn định, Nhĩ Nhã do Chu Công biên tập, Quốc Ngữ do Khâu Minh soạn thuật, Thích Danh của Lưu Hy, Thuyết Tự của Hứa Thận, Quảng Nhã của Bì Thương, Châu Tụng của Quế Uyển, Ngọc Thiên của Cố Dã Vương, Thiết Vận của Lục Pháp Ngôn, đều có nguồn gốc, chẳng dính dấp đến Lão Đàm, nhưng ông ta lại cho rằng Phần Điển do mình làm ra, kinh Tịch do mình mà có. Hoàng đường, dối trá, lừa gạt Thánh hiền chẳng khác Tương Như Thượng Lâm Thuyết, Lô Quát Hạ Phục. Dương Hùng Cam Tuyên Phú, Ngọc Thọ Đông Thanh nghe thì thấy vẻ đẹp mênh mông, kỳ thật thì mờ mịt không gốc gác, dẫn toàn tên nước giả lập, cắt xén sách người khác. Đại Phước Đường đổi thành Đại Đường, Đông Phù Lê vốn là Phù Tang rồi bắt chước đặt ra, Nam Thiên Lê lại đổi chữ Lê rồi lấy tên mới, Tây Vệ La vốn lấy cấp từ Ca-duy-la-vệ, lấy tên ở Uất-đơn-việt ở phương Bắc. Mười châu chẳng có, thần dị cũng không, địa lý không ghi, bỏ hình danh nhiều xứ, nêu càn năm nơi, nhưng không nơi nào có thật. Bịt tai nghe trộm tiếng linh (giả điếc) là ngầm chỉ việc này chẳng!